

Số: 548/HD-TU/HCTĐ

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2008

**HƯỚNG DẪN**  
**Thực hiện Điều lệ Hội Chữ thập đỏ Việt Nam**

Điều lệ Hội chữ thập đỏ Việt Nam sửa đổi đã được Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Chữ thập đỏ Việt Nam lần thứ VIII thông qua và được Bộ Nội vụ phê duyệt tại quyết định số 33/QĐ-BNV, ngày 14 tháng 01 năm 2008.

Nhằm đảm bảo thống nhất việc thực hiện Điều lệ trong hệ thống Hội, Ban Thường vụ Trung ương Hội hướng dẫn việc thực hiện Điều lệ Hội như sau:

**Phần thứ nhất**  
**NHIỆM VỤ CỦA HỘI CHỮ THẬP ĐỎ VIỆT NAM**

**I - THAM GIA PHÒNG NGỪA ỨNG PHÓ THẢM HOẠ VÀ CÔNG TÁC XÃ HỘI**

**1. Tham gia phòng ngừa và ứng phó thảm họa**

a) Hội Chữ thập đỏ Việt Nam tham gia cùng với các cấp chính quyền và các đoàn thể nhân dân trong các hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả do thiên nhiên hoặc do con người gây ra (gọi chung là phòng ngừa và ứng phó thảm họa); dựa vào nguồn lực của chính người dân ở ngay cộng đồng thường bị tác động của thảm họa theo phương châm 4 tại chỗ “*Chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, hậu cần tại chỗ, phương tiện tại chỗ*”. Nội dung hoạt động tham gia phòng ngừa và ứng phó thảm họa bao gồm:

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức và hướng dẫn cho người dân ở các khu vực thường có thảm họa xảy ra các kiến thức và kỹ năng cần thiết nhằm phòng tránh, giảm nhẹ hậu quả của thảm họa.

- Đào tạo, huấn luyện cán bộ Hội các cấp, hội viên, thanh, thiếu niên, tình nguyện viên Chữ thập đỏ và lãnh đạo cộng đồng những kỹ năng cơ bản về phòng ngừa và ứng phó thảm họa (như: cách đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương, nhu cầu và khả năng của cộng đồng trong thảm họa, cách lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó thảm họa...).

- Tăng cường cơ sở vật chất cho các hoạt động phòng ngừa và ứng phó thảm họa, bao gồm: trang bị các phương tiện cứu hộ, cứu nạn, phương tiện sơ cấp cứu và các hàng hoá thiết yếu khác cho các trung tâm phòng ngừa thảm họa, các trạm ứng phó khẩn cấp, các trạm cấp cứu sông, biển nhằm phục vụ các hoạt động phòng ngừa, ứng phó thảm họa và công tác đào tạo, huấn luyện.

- Tăng cường các hoạt động nhằm giảm thiểu tác hại của thiên tai, bao gồm: trồng rừng ngập mặn ven biển và các loại cây chắn gió, chắn cát ở các vùng xung yếu; tu bổ đê điều; gia cố nhà cửa trước mùa mưa bão, xây dựng nhà chống bão, lũ ...

b) Đối tượng cứu trợ của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam là những người nghèo, người khuyết tật, nạn nhân chiến tranh, nạn nhân chất độc da cam, nạn nhân thiên tai, người già cô đơn không nơi nương tựa, người ốm đau, trẻ em mồ côi, gia đình khó khăn có chủ hộ là phụ nữ hoặc có con nhỏ dưới 5 tuổi, các gia đình thuộc diện chính sách còn khó khăn...

c) Căn cứ tình hình thực tế hàng năm, Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam sẽ hướng dẫn cụ thể về công tác phòng ngừa, ứng phó thảm họa.

## **2. Công tác xã hội dựa vào cộng đồng**

Mục tiêu lâu dài của công tác xã hội dựa vào cộng đồng là nâng cao năng lực và tính tự lực của cộng đồng trong việc giúp đỡ những người khó khăn cần sự trợ giúp cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, góp phần thực hiện chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước. Cán bộ, hội viên Chữ thập đỏ các cấp cần có kiến thức, kỹ năng, phương pháp công tác xã hội để giúp các nhóm đối tượng, kỹ năng vận động nguồn lực để giúp đỡ các đối tượng khó khăn vươn lên trong cuộc sống, biết gắn trợ giúp xã hội với phát triển bền vững.

Ưu tiên giúp đỡ người già cô đơn không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi, phụ nữ là chủ hộ nghèo, người khuyết tật, người nghèo, nạn nhân chiến tranh, nạn nhân chất độc da cam, nạn nhân thiên tai và các nạn nhân của tệ nạn xã hội; giúp đỡ những gia đình chính sách gặp khó khăn, như: gia đình thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ, người có công với cách mạng, Mẹ Việt Nam anh hùng; giúp đỡ các đối tượng ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, vùng thường xuyên bị thiên tai...

Tiếp tục các hoạt động tìm kiếm tin tức thân nhân, gia đình bị mất liên lạc trong và ngoài nước nhằm đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của các gia đình có người thân bị mất liên lạc trong chiến tranh.

## **II - CÔNG TÁC CHĂM SÓC SỨC KHOẺ**

### **1. Công tác tuyên truyền, giáo dục sức khỏe**

a) Nhiệm vụ: tuyên truyền, giáo dục về sức khỏe cho nhân dân, giúp nhân dân tự bảo vệ sức khỏe của bản thân, gia đình và của cộng đồng; phối hợp với ngành Y tế và các cơ quan liên quan trong tuyên truyền, giáo dục về sức khỏe.

b) Phương thức và biện pháp hoạt động:

- Tập huấn trang bị kiến thức cho cán bộ, hội viên, tình nguyện viên của các cấp Hội về chăm sóc sức khỏe và kỹ năng tuyên truyền về sức khỏe.

- Tổ chức tuyên truyền trực tiếp tại cộng đồng và hộ gia đình về chăm sóc sức khỏe; phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng trong công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức chăm sóc sức khỏe.

## **2. Sơ cấp cứu ban đầu dựa vào cộng đồng**

### a) Nhiệm vụ:

- Củng cố và phát triển mạng lưới sơ cấp cứu của Hội trên các trục đường giao thông, trong các trường học và những nơi công cộng. Có thể lồng ghép với các trung tâm phòng ngừa ứng phó thảm họa của các tỉnh Hội.

- Xây dựng các trạm, chốt, điểm cấp cứu trên các trục đường giao thông nhằm sơ cứu nạn nhân trước khi chuyển đến cơ sở y tế.

- Xây dựng lực lượng tình nguyện viên sơ cấp cứu.

- Tham gia sơ cấp cứu khi có thảm họa xảy ra.

### b) Phương thức và biện pháp hoạt động:

- Tập huấn kỹ năng và 5 kỹ thuật sơ cấp cứu cơ bản (cầm máu, cố định tổn thương xương khớp, băng bó, hô hấp nhân tạo, vận chuyển nạn nhân an toàn).

- Xây dựng các tài liệu huấn luyện, đào tạo.

- Trang bị dụng cụ y tế và thuốc cần thiết tại các trạm, chốt sơ cấp cứu.

## **3. Tham gia phong trào vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh**

a) Nhiệm vụ: phối hợp tổ chức và thực hiện phong trào vệ sinh môi trường và phòng, chống dịch, bệnh tại địa bàn dân cư.

b) Phương thức và biện pháp hoạt động: vận động xây dựng 3 công trình vệ sinh (hố xí, giếng nước, nhà tắm) và vệ sinh môi trường; tham gia vận động tiêm chủng cho trẻ em; tuyên truyền, vận động phòng chống sốt rét, sốt xuất huyết; tuyên truyền, hướng dẫn phòng chống HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội, chăm sóc tại nhà và giúp làm giảm kỳ thị người nhiễm HIV/AIDS; tham gia giải quyết hậu quả về môi trường trong và sau thiên tai, thảm họa.

## **4. Tổ chức khám, chữa bệnh nhân đạo**

a) Nhiệm vụ: tổ chức các hoạt động khám, chữa bệnh nhân đạo; phát triển các phòng khám nhân đạo, cơ sở chữa bệnh nhân đạo nhằm khám, chữa bệnh miễn phí cho người nghèo, người tàn tật, người già cô đơn không nơi nương tựa... Tùy theo điều kiện cụ thể có thể thành lập: phòng khám đa khoa, chuyên khoa, phòng chẩn trị y học cổ truyền, bệnh viện... theo quy định của Nhà nước.

### b) Phương thức và biện pháp hoạt động:

- Vận động xây dựng lực lượng y, bác sỹ tình nguyện chữ thập đỏ dưới hình thức đội, đoàn y, bác sỹ tình nguyện trực thuộc cấp Hội Chữ thập đỏ từ cấp huyện trở lên.

- Vận động các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ thuốc, trang thiết bị y tế, kinh phí phục vụ hoạt động của cơ sở khám, chữa bệnh nhân đạo và

thực hiện công khai tài chính trong hoạt động khám, chữa bệnh nhân đạo theo quy định của Nhà nước.

- Tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ Hội tham gia hoạt động tại các phòng khám nhân đạo. Vận động và phối hợp với các cơ sở y tế, kể cả phòng khám tư khám, chữa bệnh miễn phí cho các bệnh nhân nghèo do Hội giới thiệu.

- Tổ chức khám chữa bệnh miễn phí cho đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người, vùng bị thiên tai, thảm họa; phổ biến các bài thuốc và phương pháp điều trị bằng Y học dân tộc trong khám, chữa bệnh nhân đạo tại các phòng khám nhân đạo.

## **5. Tuyên truyền, phổ biến trồng và sử dụng thuốc Nam**

a) Nhiệm vụ: tuyên truyền, hướng dẫn và vận động nhân dân trồng và sử dụng thuốc Nam; củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng các phòng khám chữa bệnh bằng thuốc Nam, phòng chẩn trị y học dân tộc.

b) Phương thức và biện pháp hoạt động: tuyên truyền và phổ biến rộng rãi việc trồng và sử dụng thuốc Nam; phát triển các vườn cây thuốc Nam và cơ sở chế biến thuốc Nam; vận động các hộ gia đình, trường học, nhà chùa trồng và sử dụng cây thuốc Nam để chữa bệnh.

## **III - TUYÊN TUYÊN, VẬN ĐỘNG HIẾN MÁU NHÂN ĐẠO, HIẾN MÔ, HIẾN BỘ PHẬN CƠ THỂ**

### **1. Nhiệm vụ**

- Tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa hiến máu nhân đạo; vận động nhân dân tình nguyện hiến máu và thực hiện chương trình quốc gia về an toàn truyền máu.

- Tham mưu kiện toàn và củng cố ban chỉ đạo hiến máu tình nguyện ở các cấp; xây dựng lực lượng hiến máu tình nguyện ở cơ sở, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu về máu phục vụ cứu chữa người bệnh; tổ chức định kỳ hàng năm việc tôn vinh những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hiến máu tình nguyện.

- Thí điểm xây dựng và phát triển các trung tâm máu thuộc Hội Chữ thập đỏ Việt Nam cấp tỉnh và Trung ương.

- Tuyên truyền ý nghĩa nhân đạo về hiến giác mạc, hiến mô và bộ phận cơ thể người.

### **2. Phương thức và biện pháp hoạt động**

- Phối hợp với ngành y tế, các cơ quan, đoàn thể tại địa phương tổ chức vận động hiến máu tình nguyện, thu gom máu, tư vấn cho người hiến máu, tuyên truyền về hiến máu nhân đạo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Quản lý lực lượng hiến máu tình nguyện (câu lạc bộ hiến máu tình nguyện, nhóm dự bị hiến máu khẩn cấp...).

- Tùy điều kiện cụ thể, cấp Hội địa phương có thể thí điểm tổ chức trung tâm máu theo đúng các quy định của Nhà nước.

## **IV - CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI VÀ PHÁT TRIỂN**

## **1. Chủ trương**

- Tiếp tục phát triển mối quan hệ hợp tác với Hiệp hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế, Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế, các Hội quốc gia trong các hoạt động nhân đạo trong nước, ngoài nước và trong công tác phát triển tổ chức Hội Chữ thập đỏ.

- Mở rộng quan hệ với các tổ chức chính phủ, các tổ chức quốc tế, các tổ chức xã hội, từ thiện quốc tế, đồng bào Việt Nam ở nước ngoài, các nhà hảo tâm trong các hoạt động nhân đạo ở trong và ngoài nước, góp phần thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

## **2. Nguyên tắc**

- Nghiêm chỉnh thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong công tác đối ngoại. Công tác đối ngoại của Hội phải đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Tuyệt đối đảm bảo an ninh, bí mật quốc gia theo quy định.

- Tuân theo những nguyên tắc cơ bản của Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế.

- Tuân thủ các chủ trương của Hội nói chung và công tác đối ngoại của Hội nói riêng.

- Khi đàm phán về các chương trình, dự án, cần tôn trọng ý kiến của đối tác quốc tế, nhưng phải đảm bảo chủ quyền và tôn trọng pháp luật Việt Nam. Nghiêm túc thực hiện chương trình, dự án quốc tế, đảm bảo hiệu quả và tính bền vững cũng như thực hiện nghiêm chỉnh các cam kết với các đối tác quốc tế.

- Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ thông tin, báo cáo các hoạt động quốc tế mà cán bộ, hội viên, cấp Hội tham gia.

## **3. Nhiệm vụ**

- Phối hợp với Hội Chữ thập đỏ/Trăng lưỡi liềm đỏ các nước, đấu tranh bảo vệ hoà bình thế giới.

- Tăng cường quan hệ hợp tác song phương, đa phương vì hoà bình, hữu nghị giữa các dân tộc và sự tiến bộ của phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế.

- Thực hiện các Công ước Giơ-ne-vơ (năm 1949) và các Nghị định thư bổ sung năm 1997; phổ biến và thực hiện 7 nguyên tắc cơ bản và các Nghị quyết của Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế; tuyên truyền sử dụng đúng quy định về biểu tượng Chữ thập đỏ.

### **V - CÔNG TÁC XÂY DỰNG HỘI**

#### **1. Công tác hội viên và Hội cơ sở**

##### **a) Công tác hội viên:**

- Phát triển hội viên là nhiệm vụ thường xuyên của Hội ở cơ sở. Bên cạnh phát triển hội viên, cấp Hội cơ sở chú trọng xây dựng lực lượng thanh thiếu niên, tình nguyện viên Chữ thập đỏ.

- Chú trọng nâng cao chất lượng hội viên thông qua đổi mới và nâng cao chất lượng các phong trào, các cuộc vận động, các hoạt động của Hội. Các cấp Hội cần thực hiện tốt việc quản lý hội viên, trao thẻ hội viên, chăm lo nhu cầu, lợi ích của hội viên; tôn vinh, khen thưởng hội viên, thanh thiếu niên, tình nguyện viên Chữ thập đỏ có thành tích xuất sắc.

**b) Công tác xây dựng tổ chức Hội:**

- Tập trung xây dựng và củng cố tổ chức Hội ở cấp xã (bao gồm Hội Chữ thập đỏ cấp xã và các chi hội trực thuộc); chú trọng phát triển tổ chức Hội trong các trường học, các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể, trong các doanh nghiệp, các lực lượng vũ trang. Tuỳ theo quy mô cụ thể để xác định cấp quản lý trực tiếp. Chú trọng xây dựng tổ chức Hội ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người.

- Thí điểm xây dựng các loại hình tổ chức của Hội gắn với các khu vực đặc thù hoặc các nhiệm vụ cụ thể (xây dựng các chi hội và Hội cơ sở ở khu vực nhà ga, bến tàu, chợ, các trung tâm thương mại, dịch vụ...).

- Phát triển rộng rãi các chi hội tán trợ, gắn hoạt động của chi hội tán trợ với các hoạt động chung của các cấp Hội.

**2. Xây dựng Ban Chấp hành Hội các cấp**

- Ban Chấp hành Hội các cấp tổ chức theo hướng mở rộng, thiết thực, lựa chọn các đối tượng trưởng thành từ công tác Hội và phong trào chữ thập đỏ, có điều kiện và nhiệt tình tham gia công tác của Hội; chú trọng cơ cấu cán bộ chủ chốt các ban, ngành, đoàn thể, lãnh đạo các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp, những nhà hảo tâm, người có uy tín trong nhân dân địa phương tham gia Ban Chấp hành Hội các cấp.

- Ban Chấp hành các cấp cần xây dựng quy chế làm việc, chương trình làm việc cụ thể để phát huy tốt vai trò của các Ủy viên Ban Chấp hành.

**3. Công tác cán bộ của Hội**

- Thực hiện quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ Hội các cấp; nhận xét, đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ (bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều chuyển); khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chính sách đối với cán bộ Hội các cấp.

- Đội ngũ cán bộ chuyên trách các cấp Hội cần đảm bảo số lượng và chất lượng, có sự kế thừa và bổ sung thích hợp, đảm bảo sự ổn định trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo và cán bộ chuyên trách của Hội.

- Chú trọng nâng cao năng lực chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội và năng lực vận động nhân đạo cho đội ngũ cán bộ các cấp của Hội.

**Phần thứ hai**  
**NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ HỘI VIÊN, THANH, THIẾU NIÊN**  
**VÀ TÌNH NGUYỄN VIÊN CHỮ THẬP ĐỎ**

## I - NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ HỘI VIÊN

### 1. Hội viên

a) Hội viên chính thức: là những người trực tiếp và thường xuyên tham gia các hoạt động của Hội và sinh hoạt ở một tổ chức cơ sở của Hội.

b) Hội viên tán trợ: là những người trực tiếp ủng hộ và vận động tổ chức, cá nhân khác ủng hộ nguồn lực phục vụ các hoạt động do Hội tổ chức.

c) Hội viên danh dự: là những người có uy tín cao trong nhân dân, có đóng góp tích cực cho Hội.

### 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của hội viên

a) Nhiệm vụ của hội viên:

- Chấp hành Điều lệ và các Nghị quyết của Hội; tuyên truyền về Hội trong nhân dân; tích cực tham gia xây dựng Hội vững mạnh.

- Thường xuyên tham gia sinh hoạt, hoạt động, thực hiện các nhiệm vụ của Hội và đóng hội phí đầy đủ.

- Đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau khi gặp khó khăn trong hoạt động của Hội và trong cuộc sống.

- Hội viên tán trợ tùy điều kiện và khả năng tham gia hoặc vận động tổ chức, cá nhân khác ủng hộ nguồn lực cho các hoạt động của Hội.

- Hội viên danh dự bằng uy tín của mình tuyên truyền, vận động các cấp uỷ Đảng, chính quyền, lãnh đạo của các tổ chức khác và nhân dân ủng hộ, tạo điều kiện và tích cực tham gia hoạt động của Hội.

b) Quyền hạn của hội viên

- Giới thiệu người đề hiệp thương bầu cử vào cơ quan lãnh đạo của Hội.

- Đề xuất, thảo luận, biểu quyết và giám sát công việc của Hội.

- Tham gia sinh hoạt, hoạt động và dự các lớp đào tạo, tập huấn của Hội.

- Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và giúp đỡ khi gặp khó khăn.

### 3. Điều kiện, tiêu chuẩn và việc xét công nhận hội viên

a) Điều kiện và tiêu chuẩn:

- Là công dân Việt Nam từ đủ 16 tuổi trở lên;

- Tự nguyện xin vào Hội và tán thành Điều lệ Hội;

- Tâm huyết và có điều kiện thường xuyên tham gia hoạt động của Hội và đóng hội phí đầy đủ.

b) Việc xét công nhận hội viên:

- Người muốn xin vào Hội trình bày nguyện vọng của mình với cán bộ, hội viên; được cán bộ, hội viên giới thiệu với Ban chấp hành chi hội.

- Ban Chấp hành chi hội căn cứ vào điều kiện và tiêu chuẩn hội viên để xét công nhận hội viên, sau đó báo cáo với Ban Chấp hành Hội cơ sở và thông báo việc công nhận hội viên với chi hội trong phiên họp gần nhất.

c) Những người có dấu hiệu vi phạm pháp luật và đang trong thời gian điều tra, xem xét của các cơ quan pháp luật hoặc đang trong thời gian thi hành án thì chưa xem xét công nhận hội viên.

#### **4. Thủ tục chuyển và tiếp nhận sinh hoạt hội viên**

a) Thủ tục chuyển sinh hoạt hội viên: hội viên khi chuyển sinh hoạt thì báo cáo với Ban Chấp hành chi hội nơi đang sinh hoạt. Ban Chấp hành chi hội cấp giấy giới thiệu chuyển sinh hoạt và xác nhận thời gian hội viên đóng hội phí.

b) Thủ tục tiếp nhận sinh hoạt hội viên: hội viên trình giấy giới thiệu của Ban chấp hành nơi sinh hoạt cũ với Ban chấp hành chi hội và được tiếp tục tham gia sinh hoạt, đồng thời chuyển giấy xác nhận đóng hội phí để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đóng hội phí. Ban Chấp hành chi hội tiếp nhận và ghi tên hội viên vào danh sách hội viên, báo cáo với Ban Chấp hành Hội cơ sở để quản lý hội viên.

#### **5. Việc rút và xoá tên khỏi danh sách hội viên**

a) Rút tên khỏi danh sách những hội viên chuyển sinh hoạt đi nơi khác, những hội viên qua đời, những hội viên không có khả năng tiếp tục tham gia công tác Hội (vì lý do sức khỏe, lý do kinh tế và các lý do khác). Ban Chấp hành chi hội xem xét, cho rút tên khỏi danh sách hội viên và báo cáo với Ban Chấp hành Hội cơ sở.

b) Xoá tên khỏi danh sách những hội viên không chấp hành Nghị quyết, Điều lệ của Hội và không hoàn thành nhiệm vụ được Hội phân công, không đóng hội phí được Hội nhắc nhở nhiều lần không sửa chữa, nhưng chưa đến mức phải thi hành kỷ luật.

#### **6. Công tác quản lý hội viên**

a) Quản lý hội viên của Ban Chấp hành chi hội:

- Thường xuyên nắm bắt diễn biến tư tưởng, nguyện vọng của hội viên; tìm hiểu năng lực, điều kiện, hoàn cảnh bản thân và gia đình của hội viên.

- Chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho hội viên, đồng viên và giúp đỡ hội viên khi gặp khó khăn trong hoạt động của Hội và trong cuộc sống gia đình.

- Hàng năm các chi hội tiến hành đánh giá, phân loại hội viên và báo cáo kết quả với Ban chấp hành Hội cơ sở.

b) Quy định sổ sách quản lý và định kỳ báo cáo về tình hình hội viên:

- Ban chấp hành chi hội và Hội cơ sở lập sổ ghi danh sách hội viên và thu hội phí.

- Định kỳ 6 tháng một lần, Ban Chấp hành Hội cơ sở báo cáo tình hình hội viên với Ban Thường vụ Hội cấp huyện; Ban Thường vụ Hội cấp huyện báo



cáo tình hình hội viên với tỉnh, thành Hội. Định kỳ hàng năm, tỉnh, thành Hội báo cáo tình hình hội viên với Trung ương Hội.

## II - THANH, THIẾU NIÊN CHỮ THẬP ĐỎ

### 1. Thanh niên chữ thập đỏ

#### a) Điều kiện và tiêu chuẩn:

- Là thanh niên Việt Nam, tự nguyện tham gia hoạt động Hội, không có dấu hiệu vi phạm pháp luật và không trong thời gian thi hành án.

- Các hội viên Chữ thập đỏ tuổi từ đủ 16 đến 30 tuổi.

- Các trường hợp thanh niên tuy chưa là hội viên của Hội nhưng đã được tập hợp vào các phong trào, các tổ chức hoạt động thường xuyên của Hội.

b) Thủ tục công nhận: Thanh niên trình bày nguyện vọng của mình với Ban Chấp hành chi hội. Ban Chấp hành chi hội xét, kết nạp trong một cuộc sinh hoạt hay một hoạt động của chi hội.

#### c) Nhiệm vụ và quyền hạn:

- Nhiệm vụ:

+ gương mẫu thực hiện và vận động mọi người, nhất là thanh thiếu niên tham gia hoạt động cứu trợ xã hội, phòng ngừa thảm họa, chăm sóc giúp đỡ nạn nhân thiên tai, nạn nhân chiến tranh, những người tàn tật, trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa, giúp đỡ những người gặp khó khăn, hoạn nạn.

+ Thực hiện tốt việc chăm sóc sức khoẻ bản thân, gia đình và cộng đồng. Tuyên truyền vận động bạn bè và nhân dân tham gia phong trào vệ sinh phòng bệnh; phòng chống các dịch bệnh xã hội và tệ nạn xã hội; thực hiện kế hoạch hoá gia đình, tích cực tham gia sơ cấp cứu; chăm sóc người bệnh tại nhà; nuôi trồng và sử dụng cây thuốc Nam, vận động mọi người tham gia hiến máu nhân đạo.

+ Đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, công tác, lao động sản xuất và tổ chức cuộc sống gia đình lúc bình thường cũng như lúc khó khăn.

+ Tự rèn luyện, bồi dưỡng để trở thành đội viên, hội viên Chữ thập đỏ tích cực, người công dân gương mẫu, tấm gương cho thiếu niên Chữ thập đỏ noi theo.

- Quyền hạn:

+ Nếu tự nguyện và có đủ điều kiện thì được làm đội viên Đội Thanh niên Chữ thập đỏ xung kích; được tham gia và trình bày ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động của Đội.

+ Được tham gia ứng cử vào các chức danh lãnh đạo của đội, nhóm Thanh niên Chữ thập đỏ hoặc Đội Thanh niên Chữ thập đỏ xung kích.

+ Được tham gia các chương trình, dự án và được tập huấn về nghiệp vụ Chữ thập đỏ khi có điều kiện.

+ Được khen thưởng khi có thành tích xuất sắc; được tham gia trại hè Chữ thập đỏ trong nước và quốc tế nếu có đủ điều kiện và tiêu chuẩn.

d) Tổ chức và mối quan hệ:

- Thanh niên Chữ thập đỏ được sinh hoạt trong các đội, nhóm hoạt động hoặc trong Đội Thanh niên Chữ thập đỏ xung kích do cấp Hội trực tiếp quản lý.

- Các đội, nhóm hoạt động của thanh niên Chữ thập đỏ xung kích có chương trình phối hợp, tham gia các hoạt động xã hội do Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam tổ chức và phát động.

## **2. Thanh niên chữ thập đỏ xung kích**

a) Điều kiện và tiêu chuẩn: hội viên trong tuổi thanh niên và những hội viên đã quá tuổi thanh niên nhưng có nhiệt tình và sức khỏe; tự nguyện tham gia hoạt động trong Đội Thanh niên Chữ thập đỏ xung kích.

b) Thủ tục công nhận:

- Cá nhân viết đơn hoặc đề đạt ý kiến với Đội trưởng Thanh niên Chữ thập đỏ xung kích.

- Lãnh đạo Đội Thanh niên Chữ thập đỏ xung kích đề nghị bằng văn bản với Ban Chấp hành Hội đang trực tiếp quản lý Đội.

- Đội Thanh niên Chữ thập đỏ xung kích tổ chức công nhận sau khi được Ban Chấp hành Hội chấp thuận trong một buổi sinh hoạt gần nhất.

c) Nhiệm vụ và quyền hạn:

- Bên cạnh việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của thanh niên Chữ thập đỏ, thanh niên Chữ thập đỏ xung kích còn có trách nhiệm rèn luyện, xứng đáng vai trò hạt nhân trong các phong trào, các hoạt động nhân đạo của thanh, thiếu niên Chữ thập đỏ; đi đầu xây dựng Đội thành một tập thể đoàn kết vững mạnh

- Khi có thành tích xuất sắc và điều kiện cho phép, thanh niên Chữ thập đỏ xung kích được mời tham dự trại hè Chữ thập đỏ và hoạt động quốc tế ở trong nước và ngoài nước.

## **3. Đội thanh niên Chữ thập đỏ xung kích**

a) Điều kiện và tiêu chuẩn:

- Đội Thanh niên Chữ thập đỏ xung kích được thành lập ở các cấp Hội, từ cấp xã đến cấp tỉnh.

- Số lượng mỗi đội từ 10 đến 30 đội viên. Trường hợp đặc biệt ít nhất phải có từ 3 đội viên trở lên.

- Có kế hoạch hoạt động cụ thể, phù hợp với nhiệm vụ của Hội Chữ thập đỏ và Thanh niên Chữ thập đỏ xung kích.

- Được Ban Chấp hành chi hội, Hội cơ sở hoặc Ban Thường vụ Hội cùng cấp đồng ý.

b) Thủ tục công nhận:

- Đội Thanh niên Chũ thập đở xung kích ở chi hội do Ban chấp hành chi hội đó quyết định thành lập và kèm theo danh sách đội viên.

- Đội Thanh niên Chũ thập đở xung kích cấp xã và tương đương: do Ban Chấp hành Hội cơ sở cấp xã và tương đương ra quyết định thành lập.

- Đội Thanh niên Chũ thập đở xung kích cấp huyện, tỉnh do Ban Thường vụ Hội cấp đó ra quyết định thành lập.

- Cấp Hội nào quyết định thành lập Đội Thanh niên Chũ thập đở xung kích thì lãnh đạo trực tiếp và tổ chức ra mắt thành lập Đội theo các nội dung:

+ Chào cờ

+ Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.

+ Đại diện Đội thanh niên Chũ thập đở xung kích đọc đơn đề nghị.

+ Đại diện lãnh đạo Hội công bố quyết định công nhận.

+ Trao cờ Hội và phù hiệu Thanh niên Chũ thập đở xung kích, hát bài hát “*Thanh niên Chũ thập đở xung kích*” hoặc bài “*Sức mạnh nhân đạo*”.

+ Lãnh đạo Đội thanh niên Chũ thập đở xung kích trình bày chương trình hoạt động.

+ Thảo luận thống nhất chương trình hoạt động.

+ Văn nghệ

+ Bế mạc.

c) Nhiệm vụ quyền hạn:

- Thanh niên Chũ thập đở xung kích bên cạnh việc thực hiện nhiệm vụ của Thanh niên Chũ thập đở cần đi đầu thực hiện các việc khó, việc mới của Hội; giúp đỡ, hướng dẫn nghiệp vụ hoạt động chũ thập đở cho thanh, thiếu niên Chũ thập đở cùng cấp.

- Thanh niên Chũ thập đở xung kích bên cạnh việc có quyền hạn như thanh niên Chũ thập đở còn được trao đổi thông tin, kiến thức nghiệp vụ Chũ thập đở; được tham gia vào các hoạt động chương trình, dự án của Hội; được tham gia giao lưu, trao đổi kinh nghiệm hoạt động với các Đội Thanh niên Chũ thập đở xung kích trong và ngoài tỉnh; được đề nghị kết nạp hoặc khai trừ đội viên, nhưng phải báo cáo với Ban Chấp hành Hội cùng cấp.

d) Tổ chức và mối quan hệ công tác:

- Đội Thanh niên Chũ thập đở xung kích được thành lập ở cấp Hội từ cấp xã đến cấp tỉnh; mỗi cấp Hội thành lập ít nhất một Đội Thanh niên Chũ thập đở xung kích.

- Mỗi Đội Thanh niên Chũ thập đở xung kích do Hội Chũ thập đở cùng cấp trực tiếp lãnh đạo. Các Đội Thanh niên Chũ thập đở xung kích của các cấp Hội tăng cường phối hợp hoạt động, trao đổi kinh nghiệm, nghiệp vụ khi cần

thiết; chủ động phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam cùng cấp trong các hoạt động của mình.

#### **4. Thiếu niên chữ thập đỏ**

a) Điều kiện và tiêu chuẩn: là thiếu niên, từ 9 đến đủ 16 tuổi; tự nguyện và có điều kiện, khả năng tham gia hoạt động chữ thập đỏ.

b) Tổ chức thiếu niên Chữ thập đỏ:

- Đội Thiếu niên Chữ thập đỏ được lập trong các trường học; đại diện của các lớp học, chi đội thiếu niên (từ 1 đến 3 em) được lập thành nhóm nòng cốt; các nhóm nòng cốt hợp thành Đội Thiếu niên Chữ thập đỏ nòng cốt với Ban Điều hành công tác Chữ thập đỏ gồm 5-7 em trong số đội viên của Đội.

- Đội Thiếu niên Chữ thập đỏ do Ban Chấp hành chi hội trường học hoặc Ban Chấp hành chi hội tại địa bàn trường quyết định thành lập.

- Đội Thiếu niên Chữ thập đỏ có nhiệm vụ đề xuất và tổ chức các hoạt động nhân đạo trong trường học; hướng dẫn các hoạt động chữ thập đỏ cho thiếu niên của trường hoặc địa bàn dân cư.

- Đề xuất và phối hợp với Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh của trường, lớp tổ chức các hoạt động xã hội, nhân đạo trong và ngoài trường.

- Bình bầu và đề xuất với các cấp Hội, Nhà trường khen thưởng cho tập thể và cá nhân thiếu niên chữ thập đỏ có thành tích xuất sắc trong hoạt động.

c) Nhiệm vụ và quyền hạn:

- Nhiệm vụ:

+ Tích cực thực hiện và vận động mọi người, nhất là các bạn thiếu niên tham gia các hoạt động nhân đạo theo khả năng, giúp đỡ bạn, những người khó khăn, nạn nhân thiên tai, nạn nhân chiến tranh, những người tàn tật, trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa.

+ Thực hiện tốt việc chăm sóc sức khỏe cho bản thân và gia đình. Tham gia tuyên truyền vận động mọi người phòng, chống các dịch bệnh, tệ nạn xã hội, tham gia sơ cấp cứu ban đầu, trồng và sử dụng thuốc Nam.

+ Đoàn kết giúp đỡ nhau trong học tập, công tác và tham gia lao động sản xuất, vận động nhân dân ủng hộ quỹ nhân đạo của Hội cơ sở.

+ Rèn luyện, phấn đấu để trở thành đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và thanh niên Chữ thập đỏ xuất sắc.

- Quyền hạn:

+ Được tham dự các lớp tập huấn về hoạt động nhân đạo, sơ cấp cứu ban đầu; tham gia xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động nhân đạo của thiếu niên trong và ngoài trường học.

+ Được Hội chăm sóc, giúp đỡ khi gặp khó khăn, hoạn nạn.

+ Được biểu dương, khen thưởng, tham dự các hoạt động giao lưu ở trong nước và quốc tế khi có thành tích xuất sắc và điều kiện cho phép.

d) Tổ chức và mối quan hệ:

- Chi Hội Chữ thập đỏ trường học, địa bàn dân cư có nhiệm vụ phối hợp với nhà trường, tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh cùng cấp để vận động thiếu niên tham gia vào các hoạt động nhân đạo của Hội, rèn luyện kỹ năng hoạt động xã hội, góp phần giáo dục thiếu niên, xây dựng nhà trường, Đoàn, Đội và xây dựng Hội.

- Các Đội Thiếu niên Chữ thập đỏ cùng cấp và các cấp quan hệ trao đổi, phối hợp tham gia vào các hoạt động nhân đạo, không phải là quan hệ lãnh đạo.

## **5. Tình nguyện viên chữ thập đỏ**

a) Điều kiện và tiêu chuẩn:

- Tình nguyện viên Chữ thập đỏ là những người từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt giới tính, tôn giáo, dân tộc, nghề nghiệp, tự nguyện tham gia các hoạt động nhân đạo và xây dựng tổ chức Hội Chữ thập đỏ; tuân thủ Điều lệ Hội và có khả năng, điều kiện tham gia các hoạt động nhân đạo do Hội Chữ thập đỏ Việt Nam tổ chức. Tình nguyện viên Chữ thập đỏ là hội viên hoặc không phải là hội viên Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

- Tình nguyện viên Chữ thập đỏ không phải tham gia sinh hoạt Hội; không phải đóng hội phí; không tham gia biểu quyết các công việc của Hội; không tham gia ứng cử, đề cử và bầu cử các cơ quan lãnh đạo của các cấp Hội.

b) Quyền lợi của tình nguyện viên:

- Được giao hoặc tự đăng ký đảm nhận một công việc cụ thể của cấp Hội, có quyền chấp nhận hoặc từ chối công việc không phù hợp theo nguyên tắc tự nguyện;

- Được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn công tác Hội và phong trào chữ thập đỏ; được chia sẻ thông tin và tham gia đóng góp các ý kiến cho các hoạt động của Hội;

- Được bảo mật các thông tin cá nhân; được cấp thẻ, sử dụng đồng phục của Tình nguyện viên chữ thập đỏ Việt Nam và biểu tượng Chữ thập đỏ khi tham gia các hoạt động Chữ thập đỏ;

- Được hỗ trợ các điều kiện, trang thiết bị cần thiết khi tham gia hoạt động trong khả năng có thể của các cấp Hội;

- Được tôn vinh, khen thưởng hoặc xác nhận thành tích khi có những đóng góp trong hoạt động tình nguyện Chữ thập đỏ;

- Trong khi làm nhiệm vụ nếu bị ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng hoặc rủi ro khác thì được Hội Chữ thập đỏ các cấp đề nghị các cơ quan chức năng xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

c) Trách nhiệm của tình nguyện viên:

- Tham gia các hoạt động nhân đạo do Hội Chữ thập đỏ Việt Nam tổ chức; tuyên truyền, bảo vệ, nâng cao vị thế của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, biểu tượng chữ thập đỏ Việt Nam, Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế.

- Tham gia các buổi sinh hoạt và tập huấn do các cấp Hội tổ chức theo khả năng, điều kiện của bản thân; phát triển quan hệ phối hợp trong và ngoài Hội khi thực hiện nhiệm vụ công tác Hội và phong trào Chữ thập đỏ.

- Vận động và đóng góp tự nguyện thời gian, tinh thần, vật chất cho công tác Hội và phong trào Chữ thập đỏ theo khả năng của mình.

- Tham mưu, đề xuất, tổ chức thực hiện các hoạt động nhân đạo do Hội tổ chức, góp phần đa dạng hoá và chuyên môn hoá các hoạt động của Hội, tăng thêm lực lượng và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội.

- Đáp ứng nhanh nhất, tốt nhất các hoạt động chữ thập đỏ diễn ra ở những nơi, lĩnh vực trong những thời gian khác nhau tại cộng đồng.

d) Công nhận tình nguyện viên:

- Người có nguyện vọng tham gia hoạt động tình nguyện chữ thập đỏ viết phiếu đăng ký và được cấp Hội quản lý trực tiếp công nhận, đồng thời đề nghị Hội cấp huyện hoặc tương đương cấp thẻ.

- Thủ tục công nhận tình nguyện viên: cấp Hội quản lý trực tiếp ra quyết định công nhận và công bố trao thẻ tình nguyện viên trong cuộc họp gần nhất của Đội tình nguyện viên Chữ thập đỏ; phân công tình nguyện viên tham gia sinh hoạt và hoạt động ở một đơn vị phù hợp với nguyện vọng, năng khiếu.

- Tình nguyện viên của Hội Chữ thập đỏ cấp nào thì Hội Chữ thập đỏ cấp đó quản lý hồ sơ (gồm: phiếu đăng ký tình nguyện viên có dán ảnh, sổ quản lý Tình nguyện viên; sổ theo dõi hoạt động, nghiệp vụ hành chính và các báo cáo liên quan). Việc khen thưởng, rút tên, xoá tên khỏi danh sách tình nguyện viên được áp dụng như thực hiện đối với hội viên.

### **Phần thứ ba**

## **NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ TỔ CHỨC HỘI CHỮ THẬP ĐỎ**

### **I - HỆ THỐNG TỔ CHỨC CỦA HỘI**

#### **1. Hệ thống tổ chức 4 cấp của Hội**

a) Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

b) Cấp tỉnh: Hội Chữ thập đỏ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

c) Cấp huyện: Hội Chữ thập đỏ huyện, quận và tương đương.

d) Cấp xã: Hội Chữ thập đỏ cơ sở xã, phường. Cụ thể:

- Hội Chữ thập đỏ cơ sở cấp xã được thành lập theo địa bàn dân cư (xã, phường, thị trấn) và trong các trường học, các doanh nghiệp, nông, lâm trường, các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể.

- Hội cơ sở phải có từ 10 hội viên trở lên.

- Hội cơ sở có từ 50 hội viên trở lên được thành lập các chi hội trực thuộc. Mỗi chi Hội phải có ít nhất 5 hội viên. Chi Hội có từ 20 hội viên có thể chia thành nhiều tổ hội, mỗi tổ hội có ít nhất là 3 hội viên.

- Hội Chữ thập đỏ cấp tỉnh, huyện và xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập theo quy định của pháp luật.

## **2. Các hình thức tổ chức linh hoạt và lập các chi Hội đặc thù**

a) Các cấp Hội được thành lập các chi Hội trực thuộc, Ban bảo trợ nhân đạo và các hình thức tổ chức khác theo quy định của pháp luật để đáp ứng kịp thời và linh hoạt yêu cầu phát triển về tổ chức và hoạt động nhân đạo của Hội.

b) Căn cứ vào điều kiện thực tế, các cấp Hội có thể thành lập các chi Hội theo sở thích, nghề nghiệp. Việc lập các chi hội đặc thù do Ban Chấp hành Hội cơ sở hoặc Ban Thường vụ Hội từ cấp huyện quyết định nếu chi Hội trực thuộc cấp mình.

## **II - CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA CÁC CẤP HỘI**

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của mỗi cấp Hội là Đại hội Hội cấp đó.

2. Ban chấp hành Hội cấp nào do Đại hội cấp đó bầu cử ra, là cơ quan lãnh đạo cao nhất của mỗi cấp Hội giữa hai kỳ Đại hội. Cơ cấu, số lượng ủy viên Ban chấp hành cấp nào do Đại hội cấp đó quyết định. Ban Chấp hành Hội khi cần thiết được bầu cử thêm ủy viên Ban Chấp hành, nhưng không vượt quá 10% (mười phần trăm) số lượng ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội cấp đó quyết định và phải được Ban Thường vụ Hội cấp trên trực tiếp công nhận.

Ban Chấp hành Hội các cấp khi khuyết ủy viên thì được bầu bổ sung nhưng không được quá 1/3 (một phần ba) số ủy viên do Đại hội bầu ra và phải được Ban Thường vụ Hội cấp trên trực tiếp công nhận.

3. Ban Thường vụ mỗi cấp Hội do Ban Chấp hành cấp đó quyết định số lượng và bầu cử ra nhưng không được quá 1/3 (một phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành cấp đó, là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành. Ban Thường vụ Trung ương Hội gồm: Chủ tịch, các Phó chủ tịch, Tổng thư ký, các Phó tổng thư ký và một số ủy viên. Ban Thường vụ tỉnh, thành, Ban Thường vụ Hội cấp huyện và tương đương gồm: Chủ tịch, Phó chủ tịch, ủy viên thường trực và một số ủy viên.

4. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ các cấp Hội được mời đại diện các ngành, đoàn thể, các tổ chức kinh tế, xã hội, các cá nhân tiêu biểu tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ cấp Hội trên cơ sở hiệp thương với các cá nhân và tổ chức có đại diện tham gia.

Ban Chấp hành, Ban Thường vụ cấp Hội cấp dưới phải được Ban Thường vụ Hội cấp trên trực tiếp công nhận.

5. Thường trực các cấp Hội :

- Thường trực Trung ương hội gồm: Chủ tịch, các Phó chủ tịch, Tổng thư ký và các Phó tổng thư ký.

- Thường trực tỉnh, thành Hội gồm: Chủ tịch, Phó chủ tịch, Ủy viên thường trực.

- Thường trực Hội cấp huyện gồm: Chủ tịch, Phó chủ tịch, Ủy viên thường trực.

Thường trực Hội cấp nào có nhiệm vụ và quyền hạn thay mặt Ban chấp hành, Ban Thường vụ Hội cấp đó chỉ đạo, điều hành, giải quyết các công việc của Hội giữa hai kỳ họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và báo cáo kết quả công việc với Ban Chấp hành, Ban Thường vụ trong kỳ họp gần nhất.

6. Ban chấp hành Hội cơ sở cấp xã gồm: Chủ tịch, Phó chủ tịch, Ủy viên Thường trực và một số ủy viên. Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Thường trực Hội cơ sở cấp xã là Thường trực điều hành mọi hoạt động của Hội cấp xã giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành.

7. Ban chấp hành chi hội gồm: Chi hội trưởng, Chi hội phó và một số ủy viên Ban Chấp hành chi hội, có nhiệm vụ điều hành mọi hoạt động của chi hội.

8. Tổ hội gồm: Tổ trưởng, tổ phó, có nhiệm vụ điều hành mọi hoạt động của tổ hội.

### III - NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG

#### 1. Nguyên tắc dân chủ, hiệp thương thống nhất hành động

a) Dân chủ, hiệp thương bầu cử Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra các cấp Hội:

- Đại hội Hội từ cấp huyện và tương đương đến cấp Trung ương dân chủ, hiệp thương bầu cử Ban Chấp hành. Ban Chấp hành bầu cử Ban Thường vụ, các ủy viên thường trực trong số ủy viên Ban Thường vụ và bầu Ban Kiểm tra.

- Đại hội Hội cấp cơ sở dân chủ, hiệp thương bầu cử Ban Chấp hành và phân công một ủy viên Ban Chấp hành phụ trách công tác kiểm tra.

b) Hiệp thương nhân sự:

- Yêu cầu:

+ Nhân sự được hiệp thương đồng ý tham gia cơ quan lãnh đạo của Hội.

+ Được cơ quan chủ quản và cấp Hội trực tiếp quản lý nhân sự giới thiệu.

+ Lý lịch của nhân sự phải được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

+ Cán bộ, hội viên có quyền trình bày nguyện vọng của mình tham gia vào các cơ quan lãnh đạo các cấp Hội với Ban Chấp hành hoặc Ban Thường vụ



của tổ chức Hội nơi mình tham gia sinh hoạt, nhưng phải tuân theo những nội dung và quy trình hiệp thương nhân sự.

- Quy trình hiệp thương:

+ Sau khi thống nhất đề án nhân sự cơ quan lãnh đạo Hội khóa mới, Ban Chấp hành đương nhiệm gửi văn bản tới các cơ quan, tổ chức đề nghị giới thiệu nhân sự theo tiêu chuẩn, cơ cấu và số lượng đã được quy định trong đề án.

+ Đại diện Ban Chấp hành đương nhiệm làm việc với cấp Hội, cơ quan hoặc cấp ủy, chính quyền địa phương nơi quản lý nhân sự về nhân sự dự kiến tham gia bầu cử vào cơ quan lãnh đạo mới của Hội, đồng thời trực tiếp gặp gỡ nhân sự được giới thiệu để tìm hiểu nguyện vọng và ý kiến tham gia; sau đó, phối hợp với cơ quan quản lý nhân sự và nhân sự được giới thiệu để hoàn chỉnh hồ sơ của nhân sự.

- Hồ sơ của nhân sự gồm:

+ Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

+ Ý kiến giới thiệu và xác nhận của cấp ủy hoặc chính quyền địa phương hoặc cơ quan trực tiếp quản lý nhân sự.

+ Ý kiến của cấp Hội trực tiếp quản lý nhân sự hoặc của cấp Hội trên địa bàn nhân sự đang công tác, cư trú.

## **2. Nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách**

- Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Hội các cấp làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Hội nghị của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Hội các cấp chỉ có giá trị khi có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực cấp đó dự họp.

- Các chủ trương, Nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Hội các cấp được thảo luận và quyết định theo đa số, chỉ có giá trị khi có quá 1/2 (quá nửa) tổng số ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Hội cấp đó tán thành.

- Cấp hội cấp dưới phục tùng sự chỉ đạo, lãnh đạo của cấp Hội cấp trên.

## **IV - ĐẠI HỘI CÁC CẤP CỦA HỘI CHỦ THẬP ĐỎ VIỆT NAM**

### **1. Nhiệm kỳ Đại hội các cấp của Hội**

a) Đại hội đại biểu toàn quốc, Đại hội đại biểu cấp tỉnh, cấp huyện và tương đương được tổ chức 5 năm một lần.

b) Hội cơ sở cấp xã và tương đương tổ chức Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể hội viên 5 năm một lần.

c) Chi hội tổ chức Đại hội toàn thể hội viên 5 năm 2 lần.

d) Chi hội trong các trường trung học cơ sở, phổ thông trung học, trường dạy nghề, trường trung học chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường đại học tổ chức Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể theo năm học hoặc khóa học.

## **2. Đại biểu Đại hội các cấp của Hội**

a) Thành phần đại biểu chính thức của Đại hội:

- Đại biểu chính thức của Đại hội toàn thể hội viên bao gồm toàn thể cán bộ, hội viên của Hội cấp đó.

- Đại biểu chính thức của Đại hội đại biểu các cấp của Hội gồm:

+ Đại biểu do Hội cấp dưới bầu theo số lượng phân bổ của Ban Chấp hành cấp triệu tập Đại hội.

+ Ủy viên Ban Chấp hành đương nhiệm. Ủy viên Ban Chấp hành bị xử lý kỷ luật của tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, chính quyền trong vòng một năm tính từ ngày ký quyết định kỷ luật tới ngày khai mạc Đại hội thì không là đại biểu đương nhiên của Đại hội.

+ Đại biểu chỉ định do Ban Chấp hành cấp triệu tập Đại hội chỉ định. Đại biểu chỉ định phải đảm bảo các tiêu chuẩn đại biểu và số lượng không quá 10% (mười phần trăm) tổng số đại biểu được triệu tập.

b) Số lượng đại biểu của Đại hội mỗi cấp:

- Số lượng đại biểu của Đại hội mỗi cấp căn cứ vào quy định của Hội cấp trên, cấp triệu tập Đại hội, số lượng hội viên và tổ chức Hội trực thuộc, điều kiện đảm bảo, trình độ quản lý và tổ chức, tính đặc thù và đặc điểm đặc thù của địa phương.

- Ban Chấp hành cấp triệu tập Đại hội quyết định số lượng đại biểu dự Đại hội cấp mình.

c) Việc phân bổ đại biểu đi dự Đại hội Hội cấp trên:

- Việc phân bổ số lượng đại biểu căn cứ vào số lượng hội viên, số lượng tổ chức Hội trực thuộc, đặc điểm đặc thù của địa phương.

- Ban Chấp hành cấp triệu tập Đại hội quyết định việc phân bổ đại biểu Đại hội.

d) Bầu cử đại biểu đi dự Đại hội cấp trên:

- Việc bầu cử đại biểu chính thức đi dự Đại hội cấp trên, tiến hành theo trình tự sau:

+ Đoàn Chủ tịch báo cáo số lượng đại biểu được phân bổ và tiêu chuẩn đại biểu đi dự Đại hội cấp trên.

+ Đoàn Chủ tịch giới thiệu nhân sự.

+ Đại hội thảo luận và bầu cử bằng hình thức biểu quyết toàn bộ danh sách đại biểu đi dự Đại hội cấp trên.

- Việc bầu cử đại biểu dự khuyết đi dự Đại hội cấp trên được thực hiện như việc bầu cử đại biểu chính thức, riêng về số lượng do Đoàn chủ tịch Đại hội quyết định.

e) Việc thay thế đại biểu:

- Trường hợp đại biểu chính thức không tham dự Đại hội được thì đại biểu dự khuyết thay thế.

- Việc thay thế đại biểu do Ban Thường vụ cấp có đại biểu thay thế quyết định và báo cáo với cấp triệu tập Đại hội.

- Trường hợp đã thay thế hết đại biểu dự khuyết nhưng vẫn chưa đủ số lượng đại biểu đã được phân bổ, Ban Thường vụ cấp có đại biểu thay thế đề nghị Ban Thường vụ cấp triệu tập Đại hội xem xét quyết định.

### **3. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra mỗi cấp Hội**

a) Đề án Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra mỗi cấp Hội được xây dựng căn cứ vào kết quả hoạt động nhiệm kỳ của mỗi cơ quan lãnh đạo; căn cứ sự chỉ đạo của cấp ủy Đảng và cấp Hội cấp trên; căn cứ vào yêu cầu của công tác Hội và phong trào chữ thập đỏ thời gian tới.

Việc xây dựng Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra mỗi cấp Hội đảm bảo đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của Hội, thiết thực và có tính kế thừa. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra gồm những người thực sự có uy tín, nhiệt tình công tác và có điều kiện, năng lực hoàn thành nhiệm vụ, có các độ tuổi hợp lý, tỷ lệ cán bộ có chuyên môn về y tế và cán bộ có năng lực công tác vận động quần chúng phù hợp.

b) Tiêu chuẩn của ủy viên Ban Chấp hành:

- Có lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, lối sống lành mạnh, có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, được quần chúng tín nhiệm.

- Có uy tín, năng lực tổ chức và vận động quần chúng tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện trên cơ sở nắm vững và vận dụng thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chương trình công tác của Hội cấp trên trong lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

- Có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ công tác Hội và phong trào chữ thập đỏ.

c) Cơ cấu Ban Chấp hành, Ban Thường vụ mỗi cấp:

- Cán bộ chuyên trách, cán bộ kiêm nhiệm.

- Đại diện các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội.

- Đại diện các tôn giáo.

- Đại diện các giới công thương gia, nhân sỹ, trí thức, những nhà hoạt động xã hội, các lĩnh vực công tác liên quan nhiều đến hoạt động nhân đạo.

- Những nhà hảo tâm, có nhiệt tình, trách nhiệm với công tác nhân đạo.

- Cán bộ nữ, cán bộ ở các độ tuổi và cán bộ chuyên môn, phong trào.

Khi dự kiến cơ cấu Ban Chấp hành, Ban Thường vụ cần dự kiến cả nhiệm vụ của từng ủy viên để phân công sau Đại hội.

d) Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra:

- Số lượng ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ở mỗi cấp không khống chế cụ thể, để mỗi cấp Hội có điều kiện mở rộng các thành phần tham gia Ban Chấp hành, làm hạt nhân đoàn kết, tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân tham gia công tác nhân đạo. Việc mở rộng Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ở mỗi cấp cần chú trọng tính hiệu quả và thiết thực, tránh cơ cấu hình thức.

- Số lượng ủy viên Ban Thường vụ của mỗi cấp không quá 1/3 (một phần ba) số lượng ủy viên Ban Chấp hành của cấp đó.

- Ban Chấp hành Hội cơ sở cấp xã và tương đương không bầu cử Ban Thường vụ và Ban Kiểm tra, chỉ bầu một ủy viên Ban Chấp hành phụ trách công tác kiểm tra.

e) Bầu cử Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra:

- Đại hội cấp nào bầu cử Ban chấp hành Hội cấp đó. Số lượng cụ thể do Đại hội cấp đó quyết định. Việc bầu cử Ban chấp hành do Đoàn Chủ tịch Đại hội trực tiếp điều hành theo trình tự sau:

- Báo cáo đề án xây dựng Ban Chấp hành khóa mới.

- Đại hội thảo luận và biểu quyết số lượng, cơ cấu ủy viên Ban chấp hành.

- Giới thiệu nhân sự tham gia Ban Chấp hành qua ứng cử, đề cử hoặc do Ban Chấp hành khóa cũ giới thiệu. Danh sách xếp theo vần a,b,c. Tùy tình hình cụ thể để tổ chức thảo luận tại Đại hội hoặc thảo luận tại các Đoàn đại biểu về danh sách nhân sự bầu cử vào Ban chấp hành.

- Đại hội biểu quyết thông qua danh sách nhân sự tham gia Ban Chấp hành; tiến hành bầu Ban kiểm phiếu và thực hiện quá trình bầu cử.

- Tiến hành bầu cử Ban Chấp hành bằng cách biểu quyết giơ tay một lần danh sách nhân sự tham gia Ban Chấp hành hoặc bầu cử bằng hình thức bỏ phiếu kín.

- Công bố danh sách Ban Chấp hành được Đại hội bầu.

f) Bầu cử Ban Thường vụ:

- Ban Chấp hành Hội từ cấp huyện trở lên bầu cử Ban Thường vụ từ số ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội bầu.

- Ban Chấp hành bầu các chức danh: Chủ tịch, Phó chủ tịch, ủy viên thường trực (đối với cấp huyện và cấp tỉnh); Chủ tịch, các Phó chủ tịch, Tổng thư ký và các Phó tổng thư ký (đối với cấp Trung ương) từ số ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành bầu.

g) Bầu cử Ban Kiểm tra:

- Ban Kiểm tra của Hội gồm một số ủy viên Ban Chấp hành và một số ủy viên không phải là ủy viên Ban Chấp hành; được lập ra ở cấp huyện, tỉnh và Trung ương. Ban Kiểm tra cấp nào do Ban Chấp hành cấp đó bầu cử.

- Quy trình bầu cử Ban Kiểm tra gồm: thông qua đề án Ban Kiểm tra do Ban Thường vụ cấp Hội trình; thông qua danh sách nhân sự được giới thiệu và tiến hành biểu quyết giơ tay một lần cho toàn bộ danh sách.

- Ban Chấp hành bầu trưởng ban, phó trưởng Ban Kiểm tra trong số ủy viên Ban Kiểm tra đã bầu. Việc bầu cử ủy viên và trưởng, phó trưởng Ban Kiểm tra phải được quá  $\frac{1}{2}$  (quá nửa) tổng số ủy viên Ban Chấp hành biểu quyết đồng ý. Trưởng Ban Kiểm tra cấp nào là Ủy viên Ban Thường vụ cấp đó.

#### **4. Trách nhiệm của Ban Chấp hành trong chuẩn bị và tổ chức Đại hội**

##### **a) Trước Đại hội:**

- Chuẩn bị các văn kiện, gồm: báo cáo của Ban Chấp hành đánh giá kết quả công tác nhiệm kỳ qua và mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ tới; kiểm điểm công tác nhiệm kỳ của Ban Chấp hành; đề án xây dựng Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra nhiệm kỳ khóa mới.

- Quyết định triệu tập Đại hội và chuẩn bị nhân sự:

+ Quyết định số lượng đại biểu dự Đại hội, phân bổ đại biểu cho các tổ chức Hội trực thuộc và triệu tập đại biểu dự Đại hội.

+ Hiệp thương giới thiệu nhân sự tham gia Ban Chấp hành, Ban thường vụ, Ban kiểm tra khóa mới.

+ Chuẩn bị nhân sự tham gia Đoàn Chủ tịch, Đoàn thư ký, Ban thẩm tra tư cách đại biểu (nếu là Đại hội đại biểu) và khách mời của Đại hội.

+ Chuẩn bị báo cáo của Ban Thẩm tra tư cách đại biểu. Giải quyết các vấn đề có liên quan đến tư cách đại biểu dự Đại hội và nhân sự tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra khóa mới.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch về công tác thi đua, tuyên truyền và các hoạt động trước, trong, sau Đại hội.

- Chuẩn bị các điều kiện, yếu tố đảm bảo phục vụ Đại hội: kinh phí, tài liệu, hội trường, nơi ăn nghỉ, đón tiếp đại biểu, phương tiện đi lại và công tác đảm bảo sức khỏe, an ninh, trật tự, an toàn tại các điểm diễn ra các hoạt động trước, trong và sau Đại hội.

- Báo cáo với cấp ủy và chính quyền địa phương và làm việc với các cơ quan chức năng về các nội dung có liên quan đến việc tổ chức Đại hội.

##### **b) Trong Đại hội:**

- Tổ chức thực hiện đưa đón, đảm bảo ăn nghỉ, bố trí chỗ ngồi cho đại biểu, khách mời và triển khai các hoạt động phục vụ Đại hội theo kế hoạch đã được phê duyệt.

- Chuẩn bị các điều kiện, yếu tố đáp ứng yêu cầu của Đại hội và Đoàn Chủ tịch Đại hội.

##### **c) Sau Đại hội:**

- Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch khóa cũ làm triệu tập viên hội nghị lần thứ nhất của Ban Chấp hành mới đề bầu cử Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên thường trực, Ban Kiểm tra của Hội. Triệu tập viên điều hành đến khi bầu chủ tọa Hội nghị thì hết nhiệm vụ.

- Tiến hành bàn giao về tổ chức, hoạt động, tài chính và các công việc của Hội cho Ban Chấp hành mới.

- Phối hợp với Ban Chấp hành mới hoàn thiện các văn kiện của Đại hội để ban hành chính thức; hoàn chỉnh hồ sơ Đại hội (gồm: Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội, danh sách trích ngang Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra khóa mới, danh sách trích ngang đoàn đại biểu đi dự Đại hội cấp trên, văn bản đề nghị công nhận Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra của cấp Hội) để báo cáo Hội cấp trên.

## **5. Đoàn Chủ tịch, Đoàn thư ký và Ban thẩm tra tư cách đại biểu**

### **a) Về số lượng:**

- Đối với Đại hội Hội cấp xã: Đoàn Chủ tịch từ 3 đến 5 người; Đoàn thư ký từ 1 đến 2 người; Ban Thẩm tra tư cách đại biểu từ 3 đến 5 người.

- Đối với Đại hội Hội cấp huyện và tương đương: Đoàn Chủ tịch từ 5 đến 7 người; Đoàn thư ký từ 2 đến 3 người; Ban Thẩm tra tư cách đại biểu từ 3 đến 5 người.

- Đối với Đại hội tỉnh, thành Hội: Đoàn Chủ tịch từ 9 đến 15 người; Đoàn thư ký từ 2 đến 3 người; Ban Thẩm tra tư cách đại biểu từ 3-5 người.

### **b) Về quy trình bầu cử:**

- Ban Chấp hành đương nhiệm báo cáo đề án Đoàn Chủ tịch (về tiêu chuẩn, số lượng, cơ cấu). Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua đề án.

- Ban Chấp hành đương nhiệm giới thiệu danh sách nhân sự tham gia Đoàn Chủ tịch để Đại hội bầu vào Đoàn Chủ tịch Đại hội.

- Đoàn Chủ tịch giới thiệu danh sách Đoàn thư ký để Đại hội biểu quyết thông qua.

- Việc bầu Ban Thẩm tra tư cách đại biểu được tiến hành như quy trình bầu Đoàn Chủ tịch Đại hội.

### **c) Về nhiệm vụ:**

- Đoàn Chủ tịch Đại hội có nhiệm vụ:

+ Điều hành Đại hội theo chương trình và nội dung đã được Đại hội thông qua; hướng dẫn Đại hội thảo luận các văn kiện do Ban Chấp hành trình và kết luận các vấn đề của Đại hội.

+ Lãnh đạo việc hiệp thương, dân chủ bầu cử Ban Chấp hành và bầu cử đại biểu đi dự Đại hội cấp trên.

+ Giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình Đại hội.

+ Tổng kết Đại hội.

- Đoàn Thư ký có nhiệm vụ:
  - + Ghi biên bản Đại hội.
  - + Tổng hợp các ý kiến phát biểu và ghi kết quả biểu quyết của Đại hội.
  - + Dự thảo Nghị quyết Đại hội và các văn bản khác của Đại hội.
  - + Nhận và đọc thư, điện chào mừng Đại hội.
- Ban Thẩm tra tư cách đại biểu có nhiệm vụ:
  - + Xét tư cách đại biểu trình Đại hội quyết định.
  - + Giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại và các việc liên quan đến tư cách đại biểu, nhân sự tham gia cơ quan lãnh đạo của Hội.

## **6. Trang trí Đại hội và đeo các hiện vật khen thưởng của đại biểu**

### a) Cờ và ảnh:

- Cờ Tổ quốc treo bên trái nhìn từ dưới lên.
- Tượng Bác Hồ đặt phía dưới ngôi sao, chính giữa Quốc kỳ. Nếu không có tượng Bác thì treo ảnh Bác.

b) Huy hiệu Hội Chữ thập đỏ Việt Nam: có đường kính bằng đường kính của ngôi sao trên Quốc kỳ; được treo thấp hơn ngôi sao trên Quốc kỳ, ở bên phải chính giữa phần phong còn lại (từ mép bên phải của Quốc kỳ tới mép bên phải của phong trang trí).

### c) Tiêu đề Đại hội:

"ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU HỘI CHỮ THẬP ĐỎ... lần thứ... ngày... tháng... năm...". Khổ chữ của tiêu đề phải phù hợp với phong trang trí và nên bố cục tiêu đề từ 2 đến 3 dòng. Tiêu đề Đại hội treo chính giữa phía dưới huy hiệu Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

### d) Khẩu hiệu:

Tùy điều kiện cụ thể Đại hội các cấp có thể sử dụng một số khẩu hiệu trong và ngoài hội trường với các nội dung sau:

- Nhiệt liệt chào mừng Đại hội đại biểu Hội Chữ thập đỏ... lần thứ...
- Nhiệt liệt chào mừng đại biểu về dự Đại hội đại biểu Hội Chữ thập đỏ...lần thứ...
- Mỗi cấp Hội xây dựng nhiều công trình nhân đạo, mỗi hội viên, thanh thiếu niên, tình nguyện viên Chữ thập đỏ làm nhiều việc thiện.
- Vì Nhân Đạo, Hòa Bình, Hữu Nghị.
- Phải xuất phát từ tình yêu thương nhân dân tha thiết mà góp phần bảo vệ sức khỏe của nhân dân và làm mọi việc có thể làm được để giảm bớt đau thương cho họ.

### e) Cách thức đại biểu đeo các hiện vật khen thưởng trong Đại hội

- Ngực áo bên trái đeo Huân chương, Huy chương. Huân chương, Huy chương đeo phía trên nắp túi áo ngực bên trái ngang với Huy hiệu, Kỷ niệm chương ở ngực áo bên phải theo thứ tự giá trị các Huân, Huy chương để đeo từ cao xuống thấp, từ phải sang trái.

- Ngực áo bên phải đeo Huy hiệu, Kỷ niệm chương, Phù hiệu. Huy hiệu, Kỷ niệm chương đeo phía trên ngực áo ngang với Huân chương, Huy chương ở ngực áo bên trái; phù hiệu đeo chính giữa trùng với mép trên nắp túi áo ngực.

## **7. Chương trình Đại hội**

a) Chương trình Đại hội Hội cơ sở cấp xã và chi Hội:

- Ổn định tổ chức; thông qua nội quy, chương trình Đại hội và phổ biến các quy định của Đại hội.

- Chào cờ. Tùy điều kiện có thể sử dụng băng, đĩa nhạc Quốc ca hoặc hát tập thể Quốc ca. Cũng có thể đứng nghiêm chào cờ, không hát.

- Bầu Đoàn Chủ tịch và cử Thư ký Đại hội.

Những việc trên do đại diện Ban Chấp hành được phân công tổ chức Đại hội thực hiện.

- Đoàn Chủ tịch trực tiếp điều hành Đại hội, gồm:

+ Khai mạc Đại hội. Sau phần khai mạc Đại hội có thể tổ chức Đội Thiếu niên Chũ thập đỏ chào mừng Đại hội.

+ Báo cáo của Ban Chấp hành đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ qua và phương hướng công tác nhiệm kỳ tới; Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành.

+ Trình bày tóm tắt văn kiện Đại hội cấp trên.

+ Đại diện lãnh đạo cấp ủy Đảng, chính quyền phát biểu ý kiến.

+ Đại diện lãnh đạo Hội cấp trên phát biểu ý kiến.

+ Đại diện lãnh đạo các ngành phát biểu ý kiến.

+ Đại hội thảo luận báo cáo công tác nhiệm kỳ qua, phương hướng công tác nhiệm kỳ tới và các văn kiện Đại hội cấp trên.

+ Bầu cử Ban Chấp hành mới.

+ Bầu cử đại biểu đi dự Đại hội cấp trên.

+ Ban Chấp hành và đại biểu đi dự Đại hội cấp trên ra mắt, một đại biểu trong Ban Chấp hành mới phát biểu ý kiến.

+ Thông qua nghị quyết Đại hội.

+ Bế mạc Đại hội.

b) Đại hội đại biểu của Hội ở cấp huyện và tỉnh, thành phố:

- Phiên họp trù bị của Đại hội:



- + Thông qua nội quy, chương trình Đại hội.
- + Bầu Đoàn Chủ tịch và cử Đoàn Thư ký Đại hội theo giới thiệu của Đoàn Chủ tịch.
- + Bầu Ban Thẩm tra tư cách đại biểu Đại hội.

Sau phiên trù bị, Đoàn Chủ tịch hội ý, phân công điều hành các công việc theo chương trình đã được Đại hội thông qua.

- Phiên họp chính thức của Đại hội:

+ Phiên họp chính thức của Đại hội tiến hành theo thứ tự các nội dung như Đại hội toàn thể hội viên Hội cơ sở cấp xã và chi Hội (trừ những nội dung đã thực hiện trong Đại hội trù bị)

+ Đại hội đại biểu bố trí để Ban Thẩm tra tư cách đại biểu của Đại hội báo cáo kết quả thẩm tra tư cách đại biểu vào buổi khai mạc Đại hội.

## V - RÚT TÊN, XOÁ TÊN, THÔI GIỮ CHỨC VỤ VÀ BỔ SUNG ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH, BAN THƯỜNG VỤ, BAN KIỂM TRA

### 1. Rút tên, xoá tên, thôi giữ chức vụ ủy viên Ban Chấp hành

a) Ủy viên Ban Chấp hành các cấp Hội là cán bộ chuyên trách đã chuyển công tác khỏi Hội, nghỉ hưu, thôi việc...thì đương nhiên rút tên khỏi danh sách Ban Chấp hành. Trường hợp Ủy viên Ban Chấp hành mắc khuyết điểm chưa đến mức phải thi hành kỷ luật (nhưng không còn đủ uy tín để giữ chức vụ đó) thì Ban Thường vụ thảo luận thống nhất, đề nghị Ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp xem xét quyết định xóa tên trong danh sách Ban Chấp hành, sau đó Ban Thường vụ cấp có ủy viên Ban Chấp hành rút tên hoặc phải xóa tên có trách nhiệm báo cáo với Ban Chấp hành cùng cấp trong phiên họp gần nhất.

b) Trường hợp rút tên hoặc xóa tên trong danh sách Ban Chấp hành thì không còn là ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Thường trực và không còn giữ chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu có).

### 2. Bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội

a) Bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành:

- Chỉ bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch khi khuyết các chức danh đó.

- Số lượng ủy viên Ban Chấp hành bổ sung trong nhiệm kỳ không quá 1/3 (một phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Việc bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành do Hội nghị Ban Chấp hành thảo luận và quyết định.

- Việc bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành thực hiện đúng quy trình hiệp thương nhân sự và bầu cử bổ sung Ban Chấp hành.

- Hồ sơ ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung gồm:

+ Biên bản bầu cử bổ sung ủy viên Ban Chấp hành.

+ Công văn đề nghị của Ban Thường vụ cấp bầu cử bổ sung ủy viên Ban Chấp hành kèm theo lý lịch trích ngang người được đề nghị công nhận ủy viên Ban Chấp hành. Ban Thường vụ Hội cấp trên trực tiếp xem xét và ra quyết định công nhận ủy viên Ban Chấp hành được bầu bổ sung.

b) Bầu bổ sung ủy viên Ban Thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên Thường trực:

- Số lượng ủy viên Ban Thường vụ bầu bổ sung trong nhiệm kỳ không quá 1/3 (một phần ba) số ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định.

- Người được bổ sung vào Ban Thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch hoặc ủy viên Thường trực nhất thiết phải là ủy viên Ban Chấp hành cấp đó và phải được Hội nghị Ban Chấp hành bầu cử. Đại diện Ban Thường vụ chủ trì phiên bầu này. Sau khi bầu cử, cấp Hội cấp dưới gửi hồ sơ ủy viên Ban Thường vụ bầu bổ sung (như hồ sơ ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung) về Ban Thường vụ Hội cấp trên trực tiếp để xét và ra quyết định công nhận.

c) Việc bổ sung thêm ủy viên Ban Chấp hành các cấp Hội:

- Ban Chấp hành các cấp khi cần thiết được cử thêm ủy viên Ban Chấp hành nhưng không được quá 10% (mười phần trăm) số lượng ủy viên Ban Chấp hành do đại hội cấp đó quyết định, ngoài số bổ sung không quá 1/3 (một phần ba) đã nêu tại điểm a mục 5 trên đây.

- Việc bổ sung thêm ủy viên Ban Chấp hành thực hiện đúng quy trình hiệp thương nhân sự và bầu cử bổ sung Ban Chấp hành. Trường hợp đặc biệt, Hội cấp trên có thể điều động, chỉ định một hoặc một số ủy viên Ban Chấp hành cấp dưới kể cả ủy viên Ban Thường vụ, chủ tịch, phó Chủ tịch mà không nhất thiết phải căn cứ vào số lượng ủy viên Ban chấp hành, ủy viên Ban Thường vụ do Đại hội và Ban Chấp hành cấp đó quyết định. Trước khi chỉ định, Hội cấp trên cần trao đổi, thống nhất ý kiến với Ban Chấp hành Hội cấp dưới và cấp ủy Đảng cùng cấp của cấp đó.

### **3. Rút tên, xoá tên, thôi giữ chức vụ và bổ sung uỷ viên Ban Kiểm tra**

Áp dụng như các trường hợp rút tên, xoá tên, thôi giữ chức vụ và bổ sung uỷ viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ.

#### **VI - CHỦ TỊCH DANH DỰ CỦA CẤP HỘI**

- Các cấp Hội được mời Chủ tịch danh dự.

- Việc mời Chủ tịch danh dự cấp nào do Đại hội hoặc Ban Chấp hành cấp đó quyết định. Thời gian làm Chủ tịch danh dự của Hội cấp nào là thời gian nhiệm kỳ Đại hội của cấp đó.

- Chủ tịch danh dự là người có uy tín cao trong nhân dân và có khả năng đóng góp lớn cho Hội.

- Các cấp Hội sau khi quyết định Chủ tịch danh dự thì báo cáo với Hội cấp trên, để Hội cấp trên cảm ơn.

## **Phần thứ tư**

### **CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA HỘI**

#### **I - NHIỆM VỤ CỦA CÁC CẤP HỘI VÀ CÁN BỘ, HỘI VIÊN VỚI CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA HỘI**

##### **1. Nhiệm vụ của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội Chữ thập đỏ các cấp đối với công tác kiểm tra**

a) Kiểm tra toàn diện việc thực hiện các mặt công tác Hội thuộc cấp mình và cấp Hội cấp dưới. Nội dung kiểm tra gồm :

- Việc chấp hành các quy định của Điều lệ Hội.
- Việc triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết, chủ trương công tác của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội cấp trên và của cấp mình.
- Phát hiện các mô hình, điển hình, nhân tố mới để nhân rộng, biểu dương, khen thưởng.
- Kiểm tra việc chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật và Nhà nước, việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

b) Chỉ đạo công tác kiểm tra của cấp Hội cấp dưới:

- Chỉ đạo cấp Hội trực thuộc thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra định kỳ và đột xuất khi cần; chỉ đạo thực hiện các quy định về sự phối hợp với cơ quan chức năng của Nhà nước, tổ chức, đoàn thể để thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra.

- Định kỳ nghe báo cáo và cho ý kiến chỉ đạo về việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo Quy chế; giải quyết những kiến nghị của tổ chức Hội cấp dưới về công tác kiểm tra và định kỳ sơ kết, tổng kết về công tác kiểm tra.

- Chỉ đạo kiện toàn về tổ chức và hoạt động của Ban kiểm tra, xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra.

- Chỉ đạo công tác kiểm tra đối với Hội cấp dưới; tổ chức kiểm tra các tổ chức Hội và cán bộ, hội viên thuộc cấp mình trong việc chấp hành Điều lệ Hội, chủ trương công tác của Hội cấp trên và cấp mình; định hướng xây dựng và kiện toàn tổ chức bộ máy của Ban Kiểm tra Hội cấp dưới; chăm lo bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra cho cán bộ làm công tác kiểm tra cấp dưới.

##### **2. Nhiệm vụ của các cơ quan tham mưu, giúp việc Ban Chấp hành, Ban Thường vụ trong công tác kiểm tra**

- Kiểm tra việc thực hiện các chủ trương của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ theo lĩnh vực, đối tượng mà ban, đơn vị được phân công phụ trách.

- Tham gia các đoàn kiểm tra do Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Hội tổ chức.

### **3. Nhiệm vụ của cán bộ, hội viên với công tác kiểm tra**

- Chất vấn các cơ quan lãnh đạo của Hội về các hoạt động của Hội.
- Phản ánh ý kiến, kiến nghị với các cấp Hội về những vi phạm của cán bộ, hội viên đối với Điều lệ Hội, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

## **II - BAN KIỂM TRA CÁC CẤP CỦA HỘI**

### **1. Tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn**

#### **a) Tổ chức bộ máy:**

- Ban Kiểm tra của Hội được thành lập ở cấp Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện và tương đương. Ban Chấp hành Hội cơ sở cấp xã phân công 1 uỷ viên Ban Chấp hành phụ trách công tác kiểm tra. Ban Chấp hành Hội cấp nào bầu Ban Kiểm tra của Hội ở cấp đó, bầu trưởng ban, phó trưởng ban kiểm tra trong số uỷ viên Ban Kiểm tra đã được bầu.

- Danh sách Ban Kiểm tra mỗi cấp do Ban Chấp hành cùng cấp đề nghị và được Ban Thường vụ Hội cấp trên trực tiếp công nhận. Việc bổ sung uỷ viên Ban Kiểm tra Trung ương Hội do Ban chấp hành Trung ương Hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra mỗi cấp theo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng cấp.

- Ban Kiểm tra mỗi cấp gồm một số Uỷ viên Ban Chấp hành và một số Uỷ viên ngoài Ban Chấp hành Hội cấp đó. Trưởng Ban Kiểm tra là Uỷ viên Ban Thường vụ hoặc Phó Chủ tịch Hội cấp đó. Ban Kiểm tra có một số phó trưởng ban và một số Uỷ viên.

- Ban Kiểm tra mỗi cấp cơ cấu một số uỷ viên công tác chuyên trách tại Hội cấp đó và một số uỷ viên đại diện cho Hội cấp dưới, đại diện một số ngành, đoàn thể có đại diện tham gia Ban Chấp hành Hội cấp đó. Cụ thể:

+ Ban kiểm tra Trung ương Hội gồm 7 đến 9 uỷ viên; Trưởng Ban là Uỷ viên Ban thường vụ Trung ương Hội; một số Phó Trưởng ban, trong đó có Phó Trưởng ban Thường trực; một số uỷ viên Ban Kiểm tra được cơ cấu ở một số ban, đơn vị cơ quan Trung ương Hội, đại diện Hội cấp dưới, các uỷ viên Ban Chấp hành từ các ban, ngành, đoàn thể xã hội.

+ Ban Kiểm tra tỉnh, thành Hội gồm 5 đến 7 uỷ viên; trưởng Ban là uỷ viên Ban thường vụ hoặc Phó chủ tịch tỉnh, thành Hội; 1 đến 2 phó trưởng ban và một số uỷ viên ở cơ quan tỉnh, thành Hội, đại diện Hội cấp dưới và uỷ viên đại diện các ngành, đoàn thể.

+ Ban Kiểm tra cấp huyện gồm 3 đến 5 uỷ viên; trưởng Ban là uỷ viên Ban Thường vụ cấp huyện Hội; 1 phó trưởng ban, một số uỷ viên đại diện Hội cấp dưới và đại diện các ngành, đoàn thể.

- Tiêu chuẩn uỷ viên Ban Kiểm tra:

Ngoài tiêu chuẩn chung của cán bộ Hội, Uỷ viên Ban Kiểm tra các cấp cần có những tiêu chuẩn sau:

+ Phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, khiêm tốn, thận trọng, nhiệt tình với công tác kiểm tra, tích cực đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực.

+ Gương mẫu chấp hành Điều lệ và Nghị quyết của Hội, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

+ Có năng lực và nghiệp vụ công tác kiểm tra.

b) Chức năng của Ban Kiểm tra các cấp: tham mưu, giúp việc cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ cùng cấp về công tác kiểm tra, thi hành kỷ luật trong Hội và thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ Hội quy định, góp phần xây dựng Hội vững mạnh.

c) Nhiệm vụ:

- Tham mưu cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ kiểm tra việc thi hành Nghị quyết của Hội, tập trung kiểm tra việc cấp Hội cấp dưới xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai Nghị quyết của tổ chức Hội cấp trên; việc thực hiện Nghị quyết của cán bộ, hội viên và tổ chức Hội cấp dưới; uốn nắn những sai sót trong việc thực hiện Nghị quyết của cán bộ, hội viên, đồng thời phát huy những nhân tố mới và nhân rộng những mô hình mới, những điển hình tiên tiến trong công tác Hội và phong trào Chữ thập đỏ.

- Kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Hội của cán bộ, hội viên và tổ chức Hội cấp dưới, chủ yếu là kiểm tra việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức, chế độ sinh hoạt; kiểm tra cán bộ, hội viên có dấu hiệu vi phạm pháp luật Nhà nước và Điều lệ Hội; kiểm tra việc thi hành kỷ luật của tổ chức Hội cấp dưới, nguyên tắc, thủ tục, thẩm quyền thi hành kỷ luật; kiểm tra, xác minh, kết luận những vi phạm khuyết điểm của cán bộ, hội viên thuộc diện quản lý và báo cáo với Ban Chấp hành, Ban Thường vụ quyết định (theo phân cấp quản lý).

- Chỉ đạo tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm tra cấp dưới; hướng dẫn nghiệp vụ công tác kiểm tra cho đội ngũ cán bộ kiểm tra.

- Giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo:

+ Khi nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo của cán bộ, hội viên, nếu thuộc thẩm quyền thì Ban Kiểm tra có trách nhiệm xem xét, xác minh, kết luận và trả lời cho đương sự. Nếu không thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết thì chuyển đến các cơ quan chức năng và thông báo cho đương sự.

+ Không giải quyết những đơn tố cáo giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ, những đơn tố cáo có tên nhưng nội dung không cụ thể, không có căn cứ để thẩm tra xác minh, những đơn tố cáo sao chụp chữ ký.

+ Đối với đơn tố cáo có liên quan đến đại biểu Đại hội, thì chỉ xem xét và giải quyết nếu nhận được đơn thư đó trước khi Đại hội khai mạc 10 ngày. Nếu nhận sau ngày đó, cần xem xét kỹ nội dung và chuyển lại đơn thư cho Ban Chấp hành khoá mới xem xét, giải quyết sau.

- Kiểm tra việc thu và sử dụng hội phí, các hoạt động kinh tế, dịch vụ, việc tiếp nhận, phân phối, sử dụng tiền hàng cứu trợ, viện trợ, gồm:

+ Kiểm tra mức nộp hội phí của hội viên và việc thu hội phí của chi Hội; kiểm tra việc trích nộp hội phí theo quy định của các cấp Hội; kiểm tra việc quản lý và sử dụng hội phí (sổ sách ghi chép thu, chi hội phí, việc sử dụng hội phí theo quy định của Hội).

+ Kiểm tra các hoạt động kinh tế, dịch vụ bao gồm kiểm tra các hoạt động kinh tế, dịch vụ theo quy định của pháp luật và quy định của Hội; kiểm tra việc sử dụng lợi nhuận (để tiếp tục đầu tư thêm cho hoạt động, để lại Quỹ phúc lợi của cơ quan, làm công tác xã hội, nhân đạo...).

+ Kiểm tra việc tiếp nhận, phân phối, sử dụng hàng viện trợ bao gồm kiểm tra việc tiếp nhận tiền, hàng cứu trợ, viện trợ; kiểm tra việc phân phối, sử dụng, quản lý tiền, hàng cứu trợ, viện trợ. Phối hợp kiểm tra việc thanh, quyết toán và các loại sổ sách, hoá đơn, chứng từ và báo cáo theo quy định của Nhà nước và Nhà tài trợ. Khi tiến hành kiểm tra phải tổ chức ghi biên bản kiểm tra, có kết luận sau khi đã kiểm tra xong.

#### d) Quyền hạn của Ban Kiểm tra các cấp

- Kiểm tra hoạt động của Ban Kiểm tra cấp dưới.

- Kiểm tra cán bộ, hội viên và tổ chức Hội cấp dưới chấp hành Điều lệ Hội; kiểm tra uỷ viên Ban Chấp hành cùng cấp phải được sự đồng ý của Ban Thường vụ Hội cấp đó; sau khi kiểm tra phải báo cáo để Ban Chấp hành hoặc Ban Thường vụ cùng cấp quyết định.

- Đề xuất với Ban Thường vụ Hội cùng cấp chuẩn y, thay đổi hoặc huỷ bỏ quyết định kỷ luật của tổ chức Hội cấp dưới.

- Yêu cầu tổ chức Hội cấp dưới và cán bộ, hội viên trình bày những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra và cung cấp tài liệu phục vụ cho việc kiểm tra, xác minh.

- Kiến nghị với các cấp Hội tạm đình chỉ chức vụ hoặc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ, hội viên trong trường hợp cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra.

## **2. Nguyên tắc hoạt động, chế độ làm việc**

- Ban Kiểm tra các cấp làm việc theo Điều lệ, nguyên tắc của Hội và pháp luật; độc lập, khách quan khi tiến hành kiểm tra. Các uỷ viên Ban Kiểm tra phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, khách quan, vô tư khi thực hiện nhiệm vụ.

- Ban Kiểm tra mỗi cấp chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội cùng cấp và hướng dẫn nghiệp vụ của Ban Kiểm tra cấp trên.

- Mỗi uỷ viên Ban Kiểm tra được phân công và chịu trách nhiệm trước Ban nhiệm vụ cụ thể.

- Hội nghị thường kỳ của Ban Kiểm tra theo thời gian hội nghị Ban Chấp hành cùng cấp. Khi cần thiết, Ban Kiểm tra có thể họp bất thường.

- Hàng năm, Ban Kiểm tra định kỳ báo cáo tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ và dự kiến nhiệm vụ công tác kiểm tra năm sau với Ban Chấp hành cùng cấp và Ban Kiểm tra cấp trên.

## **Phần thứ năm** **TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN CỦA HỘI**

### **I - NGUỒN THU VÀ CÁC KHOẢN CHI TÀI CHÍNH CỦA HỘI**

#### **1. Nguồn thu**

- a) Hội phí của hội viên;
- b) Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Hội theo quy định của pháp luật;
- c) Thu từ sự ủng hộ của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước;
- d) Viện trợ nhân đạo, các dự án của các cá nhân, tổ chức quốc tế thông qua Hội;
- e) Hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước;
- f) Các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

#### **2. Các khoản chi**

- a) Chi cho các hoạt động nhân đạo, từ thiện do cấp Hội tổ chức.
- b) Chi cho hoạt động của các cấp Hội, các khoản chi khác theo quy định của pháp luật và yêu cầu của nhà tài trợ. Việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội được thực hiện đúng theo các quy định của Nhà nước, hướng dẫn của Trung ương Hội và nhà tài trợ.
- c) Chi từ hội phí được thực hiện theo hướng dẫn của Trung ương Hội.
- d) Chi từ nguồn vận động của các tổ chức, cá nhân:
  - Nếu có địa chỉ cụ thể thì chi đúng theo yêu cầu của người ủng hộ.
  - Nếu không có địa chỉ cụ thể thì do các cấp Hội điều tiết cứu trợ khi cần.
  - Hội được trích từ 5% đến không quá 10% tổng kinh phí thu không có địa chỉ cụ thể để chi cho công tác quản lý, vận chuyển, phân phát tiền, hàng.
- e) Nguồn cứu trợ, viện trợ nước ngoài:
  - Chi đúng đối tượng, nội dung, mục đích theo cam kết với nhà tài trợ.
  - Kinh phí chi quản lý, vận chuyển nếu không có trong dự án tài trợ thì đơn vị, địa phương trực tiếp sử dụng viện trợ phải tự lo phần kinh phí này.
- f) Nguồn do Ngân sách Nhà nước hỗ trợ và các khoản thu hợp pháp khác của Hội được dùng để chi cho các nhu cầu quản lý thường xuyên của Hội theo quy định hiện hành của Nhà nước.

## II - QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ QUYẾT TOÁN

**1. Chế độ sổ kế toán:** khi phát sinh mọi nguồn thu, các cấp Hội đều phải mở sổ sách kế toán theo đúng Luật kế toán, chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, chế độ kế toán viện trợ không hoàn lại và các quy định của Trung ương Hội, của nhà tài trợ.

**2. Về chế độ báo cáo tài chính,** định kỳ và cuối năm các cấp Hội khoá sổ và làm 2 loại báo cáo tài chính sau:

a) Báo cáo với cơ quan quản lý Nhà nước:

- Cấp Hội nào sử dụng kinh phí thì lập báo cáo quyết toán quý, năm gửi cơ quan tài chính cùng cấp đó.

- Nội dung và biểu mẫu báo cáo thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

b) Báo cáo với Trung ương Hội và nhà tài trợ:

- Các cấp Hội sử dụng kinh phí viện trợ do Trung ương Hội chuyển về thì lập, gửi báo cáo định kỳ và báo cáo quyết toán năm gửi về Trung ương Hội.

- Nội dung và mẫu biểu báo cáo thực hiện theo quy định của Trung ương Hội và nhà tài trợ.

- Trung ương Hội tổng hợp báo cáo gửi các nhà tài trợ.

### **3. Chế độ kiểm tra**

Các cấp Hội thường xuyên kiểm tra và hướng dẫn Hội cấp dưới thực hiện nghiêm túc các chế độ quản lý tài chính theo quy định của Nhà nước, của Trung ương Hội và Nhà tài trợ.

## **Phần thứ sáu CÔNG TÁC KHEN THƯỞNG CỦA HỘI**

### I - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thi đua là hoạt động có tổ chức với sự tham gia tự nguyện của cán bộ, hội viên và tổ chức Hội các cấp nhằm phấn đấu đạt thành tích tốt nhất trong công tác Hội và phong trào Chữ thập đỏ.

2. Khen thưởng là sự đánh giá, ghi nhận, biểu dương các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong công tác Hội và phong trào Chữ thập đỏ.

3. Tổ chức Hội và cán bộ, hội viên trong cả nước (kể cả các tổ chức và cá nhân ngoài Hội hoặc người nước ngoài) có nhiều công lao và thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng Hội và phát triển phong trào Chữ thập đỏ đều được Hội khen thưởng hoặc đề nghị Nhà nước và các cấp chính quyền khen thưởng.



4. Công tác thi đua khen thưởng của Hội được tiến hành định kỳ hoặc đột xuất, đảm bảo dân chủ, công bằng, trên cơ sở đề xuất của cán bộ, hội viên và các cấp Hội hoặc Hội cấp trên trực tiếp phát hiện và chủ động khen thưởng.

5. Không xét khen thưởng, không đề nghị cấp trên xét khen thưởng đối với những cá nhân gây mất đoàn kết nội bộ, những người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, những người bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên (trong vòng 1 năm khi xét khen thưởng), những người đang trong thời gian xem xét kỷ luật và những tổ chức đang mất đoàn kết nội bộ nghiêm trọng.

## II - DANH HIỆU THI ĐUA VÀ CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

### 1. Danh hiệu thi đua

a) Danh hiệu thi đua từ cấp tỉnh đến chi hội gồm 4 mức:

- Xuất sắc.
- Tiên tiến.
- Trung bình.
- Yếu.

b) Danh hiệu thi đua dành cho cán bộ, hội viên gồm 4 mức:

- Xuất sắc.
- Tiên tiến.
- Trung bình.
- Yếu.

### 2. Thẩm quyền và quy trình xét duyệt thi đua

Thực hiện theo Quy chế thi đua khen thưởng của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số: 200 QĐ/TWHCTĐ, ngày 15/01/2008.

### 3. Các hình thức khen thưởng

a) Trung ương Hội xét tặng:

- Kỷ niệm chương “*Vì sự nghiệp Chữ thập đỏ Việt Nam*”
- Cờ thi đua “Đơn vị xuất sắc công tác Hội và phong trào Chữ thập đỏ”.
- Bằng khen.

b) Tỉnh, thành Hội xét tặng:

- Cờ thi đua “Đơn vị xuất sắc công tác Hội và phong trào Chữ thập đỏ”.
- Giấy khen.

c) Hội cấp huyện xét tặng giấy khen.

## III - TIÊU CHUẨN, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG CỦA TRUNG ƯƠNG HỘI

## **1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Chữ thập đỏ Việt Nam”**

Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Chữ thập đỏ Việt Nam" là phần thưởng cao quý nhất của Hội chữ thập đỏ Việt Nam để tặng thưởng một lần cho cá nhân có nhiều công hiến xuất sắc cho công tác Hội và phong trào Chữ thập đỏ. Cụ thể:

### a) Đối tượng:

- Cán bộ, hội viên, thanh, thiếu niên và tình nguyện viên Chữ thập đỏ.
- Cán bộ lãnh đạo Đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội.
- Những người hoạt động trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, khoa học, ngoại giao, tuyên truyền...
- Những cá nhân làm việc cho Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế, Hiệp hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế, Hội Chữ thập đỏ các quốc gia, người Việt Nam sống ở nước ngoài và người nước ngoài.

### b) Điều kiện và tiêu chuẩn:

- Đối với hội viên, thanh, thiếu niên và tình nguyện viên Chữ thập đỏ và cán bộ Hội kiêm nhiệm (cán bộ chi hội, tổ hội):
  - + Có ít nhất 10 năm tham gia hoạt động Hội.
  - + Đã được Trung ương Hội hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tặng bằng khen về thành tích hoạt động Chữ thập đỏ.
- Đối với cán bộ chuyên trách và ủy viên Ban Chấp hành (gọi tắt là cán bộ Hội) từ cấp cơ sở đến Trung ương Hội:
  - + Có ít nhất 5 năm là cán bộ Hội các cấp (thời gian công tác đối với cán bộ Hội được tính bằng hệ số 2). Đối với cán bộ Hội có thời gian tham gia công tác Hội gián đoạn được tính bằng tổng cộng thời gian của các giai đoạn.
  - + Đã được Trung ương Hội hoặc ủy ban nhân dân cấp tỉnh tặng bằng khen về thành tích hoạt động Chữ thập đỏ.
  - + Không bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (của Đảng, chính quyền, đoàn thể và Hội).
- Trường hợp cá nhân có đóng góp đặc biệt xuất sắc, có tác dụng giáo dục, nêu gương, sẽ được xem xét cụ thể, không theo các điều kiện, tiêu chuẩn nêu trên đây.
- Đối với cán bộ lãnh đạo Đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội: là những cán bộ có nhiều công lao trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi cho Hội phát triển tổ chức, hoạt động có hiệu quả và phát huy vai trò, ảnh hưởng tốt trong xã hội.
- Đối với những cá nhân hoạt động trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, khoa học, ngoại giao, tuyên truyền... là những người có nhiều công lao,

đóng góp thiết thực, hiệu quả về tinh thần, vật chất, tạo điều kiện cho Hội phát triển và cổ vũ, động viên các lực lượng tham gia hoạt động với Hội đạt hiệu quả cao.

- Đối với những cá nhân làm việc cho Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế, Hiệp Hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế, Hội Chữ thập đỏ các quốc gia, người Việt Nam sống ở nước ngoài và người nước ngoài:

+ Là những người có nhiều công lao, đóng góp thiết thực và hiệu quả về tinh thần và vật chất, tạo điều kiện cho Hội phát triển, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế và tích cực vận động các lực lượng ủng hộ hoạt động của Hội đạt hiệu quả cao.

+ Tuân thủ 7 nguyên tắc của Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế, đoàn kết, hữu nghị, luôn tôn trọng chủ quyền, pháp luật của Nhà nước Việt Nam.

- Truy tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Chữ thập đỏ Việt Nam”:

+ Truy tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Chữ thập đỏ Việt Nam” đối với những cá nhân đủ điều kiện và tiêu chuẩn nhưng đã chết hoặc bị chết trong khi đang làm nhiệm vụ của Hội, được Hội chữ thập đỏ cùng cấp (từ cấp cơ sở trở lên) đề nghị.

+ Việc xét truy tặng tính từ thời điểm ban hành Huy chương “Vì sự nghiệp Chữ thập đỏ Việt Nam” năm 1991.

c) Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương:

- Tờ trình của Ban Thường vụ Hội cấp tỉnh hoặc của các ban, đơn vị thuộc cơ quan Trung ương Hội (nếu đề nghị tặng thưởng cho cán bộ, công nhân viên thuộc ban, đơn vị mình hoặc các cá nhân có mối quan hệ làm việc trực tiếp với ban, đơn vị đó) kèm theo danh sách trích ngang cá nhân đề nghị khen.

- Báo cáo thành tích cá nhân (theo mẫu) có xác nhận của cấp Hội và chính quyền cùng cấp. Đối với các trường hợp không phải là cán bộ, hội viên cần có xác nhận của lãnh đạo cơ quan hoặc tổ chức của người đó đang hoạt động. Những trường hợp đề nghị khen thưởng đối với cán bộ lãnh đạo Đảng, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể, những người có công lao đối với công tác Hội và phong trào Chữ thập đỏ, thì Hội chữ thập đỏ địa phương (nơi cán bộ đó công tác) viết báo cáo thành tích đề nghị Trung ương Hội khen thưởng, không nhất thiết những cá nhân đó phải viết báo cáo thành tích.

- Danh sách trích ngang ghi rõ họ, tên, chức vụ, đơn vị công tác, thời gian là cán bộ, thời gian là hội viên (nếu là cán bộ, hội viên), tóm tắt thành tích và các danh hiệu khen thưởng đã đạt được.

d) Thời gian xét tặng:

- Đợt 1: vào dịp kỷ niệm Ngày Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế 8/5 và Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh 19/5. Hồ sơ gửi về Trung ương Hội trước ngày 20/5 hàng năm.

- Đợt 2: vào dịp kỷ niệm Ngày thành lập Hội Chữ thập đỏ Việt Nam 23/11 và dịp tổng kết năm. Hồ sơ gửi về Trung ương Hội trước ngày 30/11 hàng năm.

- Đối với tập thể và cá nhân ngoài tổ chức Hội, người Việt Nam sống ở nước ngoài, cá nhân làm việc cho Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế, Hiệp hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế, những tập thể và cá nhân có thành tích đột xuất và đặc biệt xuất sắc, Ban Thường vụ Trung ương Hội xét và trao tặng vào thời gian phù hợp với yêu cầu và điều kiện thực tế.

## **2. Cờ thi đua của Ban Chấp hành Trung ương Hội**

a) Đối tượng và tiêu chuẩn: Cờ thi đua "Đơn vị xuất sắc công tác Hội và phong trào Chữ thập đỏ" của Ban Chấp hành Trung ương Hội được tặng cho Hội Chữ thập đỏ cấp tỉnh đạt danh hiệu "Đơn vị xuất sắc công tác Hội và phong trào chữ thập đỏ" 3 năm liền; tặng cho Hội Chữ thập đỏ cấp huyện và tương đương đạt danh hiệu "Đơn vị xuất sắc công tác Hội và phong trào chữ thập đỏ" 5 năm liền.

b) Hồ sơ, thủ tục đề nghị:

- Tờ trình đề nghị của Ban Thường vụ tỉnh, thành Hội.

- Báo cáo tóm tắt thành tích công tác Hội và phong trào chữ thập đỏ tại địa phương 3 năm liền (đối với cấp tỉnh), 5 năm liền (đối với cấp huyện), có số liệu chứng minh cụ thể và được chính quyền cùng cấp xác nhận.

- Bản danh sách trích ngang ghi rõ tên đơn vị, địa chỉ, tóm tắt thành tích và các danh hiệu khen thưởng đã đạt được.

- Đề nghị bằng văn bản của Hội đồng Thi đua Trung ương Hội.

c) Thời gian xét tặng:

Cờ thi đua của Ban Chấp hành Trung ương Hội được xét mỗi năm một lần vào dịp tổng kết năm. Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Trung ương Hội trước ngày 30/11 hàng năm.

## **3. Bằng khen của Ban Chấp hành Trung ương Hội**

a) Đối tượng và tiêu chuẩn:

- Tập thể cán bộ, hội viên các cấp Hội, đội thanh, thiếu niên Chữ thập đỏ, thanh niên Chữ thập đỏ xung kích, các ban, đơn vị Trung ương Hội có thành tích xuất sắc. Việc xét tặng được tiến hành định kỳ hàng năm đối với các tập thể đạt danh hiệu đơn vị xuất sắc hoặc xét tặng đột xuất đối với các tập thể có thành tích đặc biệt xuất sắc trong một hoạt động cụ thể hoặc sau một đợt hoạt động.

- Các tập thể ngoài tổ chức Hội, gồm: tổ chức của Đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội, cơ quan, trường học, bệnh viện, doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước, các tổ chức tôn giáo, từ thiện... có đóng góp tích cực nhiều mặt, lâu dài cho công tác Hội và phong trào Chữ thập đỏ.

- Cán bộ, hội viên, thanh, thiếu niên và tình nguyện viên Chữ thập đỏ có thành tích xuất sắc trong công tác Hội và phong trào Chữ thập đỏ.

- Các cá nhân ngoài tổ chức Hội và các cá nhân là người nước ngoài, người Việt Nam sống ở nước ngoài có thành tích xuất sắc trong hoạt động nhân đạo, tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân tích cực tham gia hoạt động nhân đạo hoặc có đóng góp tích cực về tinh thần, vật chất cho công tác Hội và phong trào Chữ thập đỏ.

b) Hồ sơ và thủ tục đề nghị tặng Bằng khen gồm:

- Tờ trình của Ban Thường vụ tỉnh, thành Hội hoặc của các ban, đơn vị Trung ương Hội đề nghị khen thưởng kèm theo danh sách trích ngang ghi rõ họ, tên, chức vụ, đơn vị, tóm tắt thành tích và danh hiệu thi đua đã đạt được trong năm.

- Bản báo cáo thành tích của tập thể và cá nhân có xác nhận của tổ chức Hội cùng cấp. Đối với tổ chức và cá nhân ngoài tổ chức Hội, có xác nhận của tổ chức Hội được tổ chức, cá nhân đó giúp đỡ, phối hợp.

c) Thời gian xét tặng:

Mỗi năm xét tặng một đợt để trao tặng vào dịp tổng kết năm. Đối với các tập thể và cá nhân có đóng góp và thành tích xuất sắc, Ban Thường vụ Trung ương Hội sẽ xét tặng vào thời gian phù hợp với yêu cầu và điều kiện thực tế.

#### **4. Tặng cờ thi đua của Ban Chấp hành Hội cấp tỉnh**

a) Đối tượng và tiêu chuẩn: Cờ “Đơn vị xuất sắc công tác Hội và phong trào Chữ thập đỏ” của Ban Chấp hành tỉnh/thành Hội được tặng cho Hội Chữ thập đỏ cấp huyện và tương đương đạt danh hiệu “Đơn vị xuất sắc công tác Hội và phong trào Chữ thập đỏ” 03 năm liền; tặng cho Hội Chữ thập đỏ cấp xã và tương đương đạt danh hiệu “Đơn vị xuất sắc công tác Hội và phong trào Chữ thập đỏ” 5 năm liền.

b) Hồ sơ và thủ tục đề nghị tặng cờ thi đua gồm:

- Tờ trình của Ban Thường vụ Hội cấp huyện kèm theo báo cáo thành tích của Hội cấp huyện có xác nhận thành tích của ủy ban nhân dân cùng cấp.

- Tờ trình của Ban Thường vụ Hội cấp huyện kèm theo danh sách trích ngang tập thể được đề nghị và báo cáo thành tích của Hội cấp xã và tương đương có xác nhận thành tích của ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc lãnh đạo đơn vị, tổ chức nơi tổ chức Hội hoạt động.

- Đề nghị bằng văn bản của Hội đồng thi đua cấp tỉnh.

**5. Tặng giấy khen của Ban Chấp hành Hội cấp tỉnh và cấp huyện** do Ban Thường vụ Hội Chữ thập đỏ cấp tỉnh hoặc cấp huyện quy định.

## **IV - THẨM QUYỀN KHEN THƯỞNG**

1. Ban Thường vụ Trung ương Hội quyết định các hình thức khen thưởng, các danh hiệu thi đua, tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Chữ thập đỏ Việt Nam”, Cờ và Bằng khen của Ban Chấp hành Trung ương Hội.

2. Ban Thường vụ Hội Chữ thập đỏ cấp tỉnh quyết định tặng cờ thi đua và Giấy khen của Ban Chấp hành Hội Chữ thập đỏ cấp tỉnh.

3. Ban Thường vụ Hội Chữ thập đỏ cấp huyện và tương đương quyết định tặng giấy khen của Ban Chấp hành Hội cấp huyện và tương đương.

Từ cấp huyện đến Trung ương Hội, thành lập Hội đồng thi đua để tham mưu cho Ban Thường vụ Hội cùng cấp về công tác thi đua khen thưởng.

## V - QUY ĐỊNH VIỆC TRAO TẶNG CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG CỦA TRUNG ƯƠNG HỘI

1. Người trao tặng các hình thức khen thưởng của Trung ương Hội là Chủ tịch, Phó chủ tịch, Ủy viên Thường trực, Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội. Thường trực Trung ương Hội có thể ủy quyền cho trưởng, phó trưởng ban, đơn vị Trung ương Hội, chủ tịch, phó chủ tịch các tỉnh, thành Hội, đại diện cấp ủy Đảng, chính quyền cấp trên hoặc cùng cấp trao tặng.

2. Việc trao tặng các hình thức khen thưởng của Trung ương Hội được tiến hành tại hoạt động của cấp Hội hoặc tại hội nghị tổng kết, sơ kết công tác Hội và phong trào Chữ thập đỏ. Lễ trao tặng được tổ chức trang trọng và tiết kiệm.

### **Phần thứ bảy** **KỶ LUẬT CỦA HỘI**

Kỷ luật của Hội nhằm giữ vững sự đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động của cán bộ, hội viên và tổ chức Hội, góp phần xây dựng Hội vững mạnh. Thi hành kỷ luật đối với cán bộ, hội viên và tổ chức Hội có sai phạm, khuyết điểm nhằm giáo dục người phạm sai lầm và có tác dụng phòng ngừa vi phạm kỷ luật đối với cán bộ, hội viên và tổ chức Hội, góp phần giữ vững kỷ cương, nguyên tắc, sự đoàn kết nhất trí tạo nên sức mạnh và uy tín của Hội.

Giữ vững kỷ luật Hội và đấu tranh chống các vi phạm kỷ luật của Hội là trách nhiệm của mọi cán bộ, hội viên và tổ chức Hội.

#### I - CÁC HÌNH THỨC KỶ LUẬT CỦA HỘI

**1. Đối với cán bộ, hội viên**, có 4 hình thức kỷ luật: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ ra khỏi Hội. Cụ thể:

a) Khiển trách: áp dụng đối với cán bộ, hội viên vi phạm khuyết điểm lần đầu, mức độ nhẹ và hậu quả không lớn, người vi phạm nhận thức rõ khuyết điểm và quyết tâm sửa chữa.

b) Cảnh cáo: áp dụng đối với cán bộ, hội viên đã bị kỷ luật khiển trách mà còn tái phạm hoặc tuy mới vi phạm lần đầu nhưng mức độ, tính chất khá nghiêm trọng, phạm vi ảnh hưởng rộng.

c) Cách chức: áp dụng đối với cán bộ Hội vi phạm khuyết điểm nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến tổ chức Hội và dư luận nhân dân. Khi áp dụng hình thức kỷ luật cách chức cần lưu ý:

- Đối với cán bộ giữ nhiều chức vụ: cán bộ giữ nhiều chức vụ của Hội khi vi phạm khuyết điểm thì tùy theo tính chất, mức độ và phạm vi ảnh hưởng mà có hình thức kỷ luật cách một chức, cách nhiều chức hoặc cách hết các chức vụ.

- Trường hợp một cán bộ giữ nhiều chức vụ trong một cấp như: chủ tịch hoặc phó chủ tịch, ủy viên Thường trực, ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành khi vi phạm đến mức phải cách chức thì: khi cách chức chủ tịch, phó chủ tịch hoặc ủy viên Thường trực thì còn chức ủy viên Ban Thường vụ và ủy viên Ban Chấp hành. Nếu cách chức ủy viên Ban Thường vụ thì còn chức ủy viên Ban Chấp hành, nếu cách chức ủy viên Ban Chấp hành thì cách hết các chức vụ của cấp đó.

- Trường hợp một cán bộ giữ nhiều chức vụ ở nhiều cấp, khi vi phạm kỷ luật phải cách chức thì cách chức ở cấp nào chỉ mất chức vụ ở cấp đó, các chức vụ ở cấp khác vẫn còn.

- Trường hợp một cán bộ vừa là ủy viên Ban Chấp hành, vừa là ủy viên Ban Kiểm tra ở cùng một cấp, khi vi phạm thì: nếu cách chức ủy viên Ban Chấp hành thì không còn chức ủy viên Ban Kiểm tra, nếu cách chức ủy viên Ban Kiểm tra thì tùy tính chất, mức độ vi phạm để xem xét tư cách ủy viên Ban Chấp hành.

d) Khai trừ ra khỏi Hội áp dụng đối với cán bộ, hội viên mắc một trong các vi phạm sau:

- Ý thức tổ chức kỷ luật kém, có hành vi cố ý không chấp hành Nghị quyết và quy định của Điều lệ Hội, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của Hội, đã giáo dục, thuyết phục nhiều lần mà không tiếp thu, sửa chữa để tiến bộ.

- Tham ô, trộm cắp, cố ý làm trái các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế tài chính hoặc thiếu trách nhiệm gây thiệt hại lớn đến tài sản của Nhà nước, của Hội.

- Vi phạm pháp luật, bị truy tố trước toà án.

Trường hợp người vi phạm kỷ luật chưa đủ điều kiện kết luận để xử lý kỷ luật, thời gian xem xét kéo dài, khi kết luận được thì vẫn ra quyết định kỷ luật ở thời điểm người đó vi phạm.

Trường hợp tại nhiệm kỳ của Ban Chấp hành khoá cũ, Ban Kiểm tra chưa xem xét, kết luận được thì chuyển giao hồ sơ để Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra khoá mới tiếp tục xem xét, kết luận và quyết định.

**2. Đối với tổ chức Hội**, có 3 hình thức kỷ luật: khiển trách, cảnh cáo, giải tán. Cụ thể:

a) Khiển trách: áp dụng với một tổ chức Hội hoặc một cấp Hội khi có quá 1/2 (quá nửa) tổ chức Hội cấp dưới trực tiếp hoặc có quá 1/2 (quá nửa) số uỷ

viên Ban Chấp hành hay quá 1/2 (quá nửa) số ủy viên Ban Thường vụ cấp đó vi phạm Điều lệ Hội, không chấp hành Nghị quyết của Hội, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước mà tính chất ít nghiêm trọng, mức độ tác hại không lớn, ảnh hưởng trong phạm vi hẹp.

b) Cảnh cáo: áp dụng đối với tổ chức Hội hoặc cấp Hội vi phạm như đã nêu ở hình thức khiển trách đối với tổ chức Hội, nhưng tính chất và mức độ vi phạm nghiêm trọng, ảnh hưởng trong phạm vi rộng.

c) Giải tán: áp dụng với tổ chức Hội hoặc cấp Hội:

- Chỉ giải tán một tổ chức Hội khi có 2/3 (hai phần ba) tổ chức Hội cấp dưới trực tiếp phạm sai lầm, trong đó có 2/3 (hai phần ba) số cán bộ, hội viên vi phạm khuyết điểm nghiêm trọng đến mức phải khai trừ ra khỏi Hội.

- Giải tán một Ban Chấp hành, Ban Thường vụ khi có 2/3 (hai phần ba) số ủy viên vi phạm khuyết điểm nghiêm trọng đến mức phải áp dụng hình thức cách chức hoặc khai trừ ra khỏi Hội. Những cán bộ, hội viên ở cơ sở bị giải tán không bị kỷ luật khai trừ được giới thiệu đến cơ sở khác sinh hoạt hoặc thành lập cơ sở Hội mới.

### **3. Một số trường hợp không phải là hình thức kỷ luật:**

a) Tạm đình chỉ công tác, tạm đình chỉ sinh hoạt, tạm đình chỉ chức vụ:

- Đối với hội viên, áp dụng hình thức tạm đình chỉ công tác, tạm đình chỉ sinh hoạt và hoạt động Hội.

- Đối với cán bộ Hội, áp dụng tạm đình chỉ chức vụ để tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình kiểm tra các vi phạm có liên quan đến cán bộ đó. Thời gian tạm đình chỉ không quá 3 tháng.

b) Xoá tên trong danh sách Ban Chấp hành: áp dụng đối với ủy viên Ban Chấp hành không tha thiết với Hội, không tham dự hội nghị Ban Chấp hành 3 lần liên tục mà không có lý do chính đáng, đã được nhắc nhở nhưng không sửa chữa, không còn tác dụng với phong trào Chữ thập đỏ.

c) Thôi giữ chức vụ: áp dụng đối với cán bộ Hội do sức khỏe hoặc năng lực yếu, cán bộ điều động công tác khác hoặc cán bộ chuyên trách là chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên Thường trực, ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành các cấp nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác không còn là cán bộ chuyên trách của Hội hoặc có khuyết điểm chưa đến mức phải thi hành kỷ luật, nhưng không còn tin nhiệm đảm nhiệm chức vụ đang giữ.

d) Trường hợp cán bộ, hội viên vi phạm khuyết điểm đang xem xét kỷ luật thì không xét đơn xin rút khỏi danh sách Ban Chấp hành hoặc xin ra khỏi Hội.

## **II - CẤP CÓ THẨM QUYỀN THI HÀNH KỶ LUẬT**

### **1. Đối với kỷ luật hội viên**

- Khi hội viên vi phạm kỷ luật, hội nghị chi hội thảo luận, phân tích, xem xét những vi phạm của hội viên đó với sự có mặt ít nhất 2/3 (ít nhất hai phần ba)



tổng số hội viên và biểu quyết hình thức kỷ luật với sự đồng ý của quá 1/2 (quá nửa) tổng số hội viên chi Hội.

- Ban Chấp hành chi hội quyết định và báo cáo với Ban Chấp hành Hội cấp trên trực tiếp.

## **2. Đối với kỷ luật cán bộ hội các cấp**

a) Việc kỷ luật ủy viên Ban Chấp hành chi Hội do tập thể chi Hội xét và đề nghị Ban Chấp hành Hội cấp trên trực tiếp công nhận chức vụ đó ra quyết định kỷ luật.

b) Kỷ luật ủy viên Ban Chấp hành từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh:

- Hình thức kỷ luật là khiển trách, cảnh cáo do Ban Chấp hành Hội cùng cấp hoặc cấp trực tiếp quản lý xem xét, ra quyết định kỷ luật và báo cáo cấp Hội cấp trên.

- Hình thức kỷ luật cách chức, khai trừ ra khỏi Hội do Ban Chấp hành cùng cấp xem xét, biểu quyết; cấp quyết định công nhận chức vụ ra quyết định kỷ luật.

- Đối với ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội:

+ Hình thức khiển trách, cảnh cáo: do Ban Thường vụ Trung ương Hội xét, ra quyết định kỷ luật và báo cáo với Ban Chấp hành Trung ương Hội trong kỳ họp gần nhất.

+ Hình thức cách chức, khai trừ ra khỏi Hội: do Ban Chấp hành Trung ương Hội xét, biểu quyết và ra quyết định kỷ luật.

c) Đối với ủy viên Ban Kiểm tra, khi vi phạm khuyết điểm, thẩm quyền xét kỷ luật áp dụng như đối với ủy viên Ban Chấp hành cùng cấp.

d) Trường hợp cán bộ Hội chuyên trách giữ chức vụ trong cơ quan của Hội nhưng không tham gia Ban Chấp hành, nếu vi phạm kỷ luật thì cấp nào bổ nhiệm, cấp đó xử lý kỷ luật.

e) Trường hợp cán bộ giữ nhiều chức vụ trong nhiều cấp, khi vi phạm kỷ luật thì Ban Chấp hành cấp Hội quản lý trực tiếp thảo luận, kiểm điểm, biểu quyết và ra quyết định kỷ luật đối với 2 hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo.

Các hội nghị xét kỷ luật đối với cán bộ, hội viên chỉ có giá trị khi hội nghị đó có mặt ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số hội viên (đối với hội viên) hoặc 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc ủy viên Ban Thường vụ (đối với ủy viên Ban Chấp hành) và biểu quyết hình thức kỷ luật với sự đồng ý của quá 1/2 (quá nửa) tổng số hội viên hoặc ủy viên Ban Chấp hành hoặc ủy viên Ban Thường vụ Hội của cấp đó.

f) Quyền của cán bộ, hội viên khi bị thi hành kỷ luật:

- Được trình bày vi phạm, khuyết điểm của mình trước hội nghị chi hội hoặc hội nghị Ban Chấp hành.

- Được tham gia biểu quyết hình thức kỷ luật của mình.

- Được khiếu nại về hình thức kỷ luật của mình lên Ban Kiểm tra hoặc Ban Chấp hành cấp trên. Thời gian khiếu nại kỷ luật không quá 3 tháng kể từ khi quyết định kỷ luật được công bố.

#### **4. Đối với tổ chức Hội**

a) Khiển trách, cảnh cáo một tổ chức Hội hay một Ban Chấp hành Hội do Ban Chấp hành Hội cấp trên thảo luận, xét, biểu quyết với sự đồng ý của trên 1/2 (quá nửa) tổng số ủy viên Ban Chấp hành và trực tiếp ra quyết định kỷ luật.

b) Khiển trách, cảnh cáo đối với Ban Thường vụ thì do Ban Chấp hành cùng cấp thảo luận, biểu quyết với sự đồng ý của trên 1/2 (quá nửa) số ủy viên Ban Chấp hành.

c) Việc giải tán Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành Hội cấp trên trực tiếp xem xét quyết định với sự đồng ý của quá 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành.

d) Việc giải tán tổ chức Hội do Ban Chấp hành Hội cấp trên trực tiếp xem xét quyết định với sự đồng ý của quá 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành.

### **III - CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH GIẢI QUYẾT MỘT VỤ KỶ LUẬT**

#### **1. Kiểm tra, tìm hiểu sự việc**

a) Gặp gỡ và làm việc với cán bộ, hội viên có dấu hiệu vi phạm và những người, những tổ chức có liên quan hoặc biết sự việc để nắm tình hình (có ghi biên bản) để giúp cho việc kết luận chính xác, khách quan.

b) Xem xét các tài liệu, chứng cứ liên quan; xác minh và kết luận những vi phạm, khuyết điểm của cán bộ, hội viên.

#### **2. Tổ chức kiểm điểm**

a) Sau khi có đủ hồ sơ để kết luận vi phạm, khuyết điểm của cán bộ, hội viên, tổ chức Hội thì tổ chức Hội hoặc cấp Hội có thẩm quyền tổ chức Hội nghị để kiểm điểm, thảo luận, góp ý kiến cho cán bộ, hội viên vi phạm khuyết điểm.

b) Người vi phạm khuyết điểm trình bày bản tự kiểm điểm trước Hội nghị. Các thành viên của Hội nghị góp ý kiến phân tích nguyên nhân, tính chất, mức độ, hậu quả của việc vi phạm và đề xuất hình thức kỷ luật.

c) Chủ tọa tóm tắt, kết luận từng vấn đề có liên quan đến vi phạm kỷ luật mà Hội nghị đã đóng góp ý kiến.

d) Biểu quyết hình thức kỷ luật. Việc biểu quyết bằng giơ tay hay bỏ phiếu kín do Hội nghị quyết định.

Nếu cán bộ, hội viên vi phạm khuyết điểm cố tình vắng mặt hoặc không tự giác kiểm điểm thì hội nghị chi hội hoặc Hội nghị Ban Chấp hành vẫn tổ chức họp để xét kỷ luật. Sau đó, thông báo kết quả cuộc họp cho người vi phạm biết.

**3. Gửi hồ sơ kỷ luật cho cấp có thẩm quyền xét và ra quyết định kỷ luật.** Hồ sơ kỷ luật gồm:

a) Bản kiểm điểm của người vi phạm, nếu người vi phạm không viết bản tự kiểm điểm thì ủy viên Ban Kiểm tra (đối với cán bộ) hoặc ủy viên Ban Chấp hành chi hội (đối với hội viên) phụ trách vụ việc đó có báo cáo bằng văn bản ghi rõ lý do và nội dung vi phạm của cán bộ, hội viên đó.

b) Báo cáo của Ban Kiểm tra hoặc cán bộ phụ trách công tác kiểm tra về vi phạm của cán bộ, hội viên hoặc tổ chức Hội.

c) Biên bản các cuộc họp xét kỷ luật (ghi rõ thời gian, thành phần, số lượng người dự họp, biểu quyết hình thức kỷ luật).

d) Báo cáo đề nghị hình thức kỷ luật của cấp hội và các tài liệu xác minh có liên quan.

**4. Công bố quyết định kỷ luật**

Sau khi có quyết định kỷ luật, cấp nào ký quyết định, cấp đó công bố và trao (hoặc gửi theo đường bưu điện) quyết định cho người bị thi hành kỷ luật và cấp Hội hoặc tổ chức Hội trực tiếp quản lý cán bộ, hội viên đó để thi hành.

Căn cứ Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Hội trên đây, các cấp Hội triển khai thực hiện. Giao cho Ban Tổ chức - Cán bộ Trung ương Hội theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Hướng dẫn này.

**Nơi nhận:**

- Các tỉnh, thành Hội;
- Các ban, đơn vị TƯ Hội;
- Các vị ủy viên BCH TƯ Hội;
- Bộ Nội vụ;
- Lưu VT, TCCB.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ  
CHỦ TỊCH**

**Trần Ngọc Tăng**